BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

(LICOGI 16)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 06 năm 2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 21/03/2008)

Báo cáo thường niên này sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần LICOGI 16

- 49B Phan Đăng Lưu, P.7, Q.Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 8 411 375 – (84.8) 2445477 Fax: (84.8) 8 411 376
- www.licogi16.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Phạm Xuân Diện** Chức vụ: Tp. Kinh tế

Số điện thoại: (84.8) 8 411 375 - (84.8) 2445477 Fax: (84.8) 8 411 37

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16**

Mã giao dịch: **LCG**

Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**

Niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: **13.600.000 cổ phiếu**

Tổng giá trị niêm yết: **136.000.000.000 đồng** *(tính theo mệnh giá)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- **Công ty TNHH kiểm toán ASNAF Việt Nam**

  Địa chỉ: P.903- CT4 Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

  Điện thoại: 04-7670720 Fax: 04-7670721

Hội đồng quản trị công ty:

1. Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
2. Ông Lê Văn Nga	Thành viên
3. Ông Vũ Công Hưng	Thành viên
4. Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên
5. Ông Nguyễn Duy Bảo	Thành viên
6. Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

1. Ông Lê Văn Nga	Tổng giám đốc
2. Ông Hoàng Minh Khai	Phó Tổng giám đốc
3. Ông Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng giám đốc
4. Ông Vũ Công Hưng	Phó Tổng giám đốc
5. Ông Đoàn Thuận Chí	Phó Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
2. Bà Phạm Thị Minh Hiền	Thành viên
3. Ông Phạm Xuân Diện	Thành viên

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÔNG TY

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Licogi 16 trước đây là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (Licogi) được thành lập theo quyết định số 427/QĐ – BXD ngày 08/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng trên cơ sở tổ chức lại Chi Nhánh của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng tại Tp Hồ Chí Minh.

Ngay từ khi thành lập Công ty đã chú trọng thu hút, xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Bằng phương pháp tổ chức thi công chuyên nghiệp, luôn đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, hiện nay Công ty là một trong các Nhà thầu có uy tín và được nhiều Chủ đầu tư tín nhiệm.

Với mục tiêu đa dạng hoá ngành nghề, Công ty còn là Chủ đầu tư Dự án khu dân cư Long Tân 4 giai đoạn, tổng diện tích 240ha thuộc thành phố mới Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai, Dự án khu dân cư Trung tâm thương mại Ngãi Giao thuộc huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, dự án Nhà văn phòng tại 24A Phan Đăng Lưu, P.7, Q. Phú Nhuận, HCM; dự án Trường cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật LICOGI tại Nghi Sơn- Thanh Hóa; dự án khu công nghiệp luyện kim tại Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa; Dự án dây chuyền thiết bị bê tông đầm lăn tại thủy Điện Bản Chát.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc chuyển đổi các Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Năm 2005 Công ty tiến hành công tác cổ phần hoá và đến năm 2006 Công ty Xây dựng số 16 chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 16 theo Quyết định số 327/QĐ-BXD ngày 28/02/2006 và Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 31/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty chính thức nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TpHCM cấp ngày 02/06/2006.

- Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

  Tên giao dịch đối ngoại: **LICOGI 16 JOINT STOCK COMPANY**

  Tên giao dịch viết tắt: **LICOGI 16**

  Logo Công ty

LICOGI 16

- Trụ sở giao dịch của Công ty:
  - Địa chỉ: 49B Phan Đăng Lưu, phường 7, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
  - Điện thoại: (84.8) 8 411 375 – (84.8)2445477 Fax: (84.8) 8 411 376
  - Email: info@licogi16.com Website: www.licogi16.com
  - Mã số thuế: 0302310209
  - Nơi mở tài khoản:

TT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản	Ghi chú
1	Nông nghiệp và phát triển nông thôn- CN Đông Sài Gòn	6280.00.030192	VND
2	Ngân hàng liên doanh Lào- việt	040.00.7300.00097.4	USD

Ngành nghề kinh doanh:

Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.

Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng; cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất, gia công tại trụ sở).

Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật; tư vấn đầu tư. Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình.

Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ.

Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng.

Thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Đào tạo cao đẳng. Giáo dục trung học phổ thông.

Vốn điều lệ: 136.000.000.000 đồng

Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

Bảng 1: *Quá trình thay đổi vốn điều lệ*

Thời gian kết thúc đợt tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VNĐ)	Phương thức
30/12/2006	12.000.000.000	13.000.000.000	25.000.000.000	Chào bán ra công chúng.

30/06/2007	25.000.000.000	31.500.000.000	56.500.000.000	Bán cho CBNV, Cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược, bán riêng lẻ cho các Nhà đầu tư lớn theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 07/02/2007.
30/03/2008	56.500.000.000	79.500.000.000	136.000.000.000	Chào bán ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 232/UBCK-GCN ngày 29/11/2007

Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận đối với Tập thể Công ty Cổ phần LICOGI 16 từ năm 2005-2008:

Năm	Số ký hiệu QĐ	Ngày/ tháng/ năm	Cấp khen thưởng	Thành tích Công ty
2005	09/QĐ-BXD	04/01/ 2006	Bộ Xây dựng	Tặng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc năm 2005
	71 QĐ/TV. ĐUK	30/3/ 2006	Đảng bộ Khối CS BXD	Cơ sở đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh năm 2005
	983 QĐ/ TTg	21/7/ 2006	Thủ tướng Chính phủ	Tặng Bằng khen Đơn vị đã có thành tích trong công tác từ 2001-2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc
2006			Bộ Xây dựng	Tặng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc năm 2006
	509/QĐ-BXD		Bộ Xây dựng	Bộ XD tặng Bằng khen Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác
	38/QĐ-CĐXD VN	17/01/ 2007	Công đoàn XD VN	Tặng cờ đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc năm 2006
2007	902 QĐ/ TCT-TĐKT	04/7/ 2007	Tcty LICOGI	Đơn vị có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm. Đơn vị đứng thứ nhất trong Tcty XD và PT hạ tầng.
	1441/ 2007/ QĐ-CTN	27/11/ 2007	Chủ tịch Nước	Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho đơn vị đã có thành tích XS trong công tác từ năm 2002-2006, góp phần vào sự nghiệp XD CNXH và bảo vệ Tổ quốc.
	03/QĐ-BXD	03/01/08	Bộ Xây dựng	Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng
2008			Bộ Xây dựng	Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng
	08-QĐ/ĐUK	5/3/2009	Đảng ủy khối CS BXD	Đảng bộ cơ sở Trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2008

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2008

1.1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU:

- Tổng giá trị sản lượng toàn hệ thống LICOGI 16: 1.216.432.000.000 đồng;

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI 16: 747.453.000.000 đồng

+ Các công ty thành viên: *466.954.000.000* đồng.

- Tổng doanh thu (kể cả DT từ hoạt động tài chính): 809.952.000.000 đồng

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI 16: 483.862.000.000 đồng

+ Các công ty thành viên: 326.090.000.000 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 184.637.464.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 133.377.329.000 đồng

(Năm 2008 là năm thứ 2 Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất trong năm 2008)

Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ 136.000.000.000 đ là: 98,07%.

Trích các quỹ theo điều lệ quy định:

+ Phát triển kinh doanh: 10% lợi nhuận sau thuế

+ Dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế

+ Khen thưởng phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế

- Tỉ lệ chia cổ tức năm 2008 dự kiến là: 25% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu.

Trong năm 2008, Hội đồng quản trị đã xin ý kiến cổ đông thông qua việc điều chỉnh kế hoạch đề ra của các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận riêng của Công ty Cổ phần LICOGI 16: giá trị doanh thu giảm 830 tỷ đồng xuống 600 tỷ đồng, giá trị lợi nhuận tăng từ 100 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng.

Sau đây là bảng số liệu chi tiết về sản lượng và doanh thu của toàn hệ thống LICOGI 16:

BẢNG : KẾT QUẢ SXKD NĂM 2008

Stt	Tên công ty	Đvt	Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận
I	**Công ty cổ phần LICOGI 16**	**Tr.đ**	**747,453**	**565,606**	**133,377**

II	**Các công ty thành viên và Công ty con**	**Tr.đ**	**466,954**	**326,090**	**29,926**
1	Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	Tr.đ	121,800	98,822	5,000
2	Công ty Cổ phần LICOGI 16.2	Tr.đ	80,000	59,000	6,000
3	Công ty Cổ phần LICOGI 16.5	Tr.đ	30,359	18,971	6,500
4	Công ty Cổ phần LICOGI 16.6	Tr.đ	74,750	54,222	6,250
5	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	Tr.đ	7,000	6,590	829
6	Công ty Cổ phần LICOGI 16.9	Tr.đ	-	5,900	-
7	Công ty Cổ phần Cơ khí LICOGI 16	Tr.đ	123,000	82,285	5,347
8	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	Tr.đ	16,469	300	-
9	Công ty TNHH TM-DV-XD Điền Phước	Tr.đ	13,576	-	-
	Tổng cộng cả hệ thống LICOGI 16	**Tr.đ**	**1,214,407**	**891,696**	**163,303**

(Ghi chú: doanh thu được tính cả phần doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác)

Kết quả lợi nhuận năm 2008 của riêng công ty Cổ phần LICOGI 16 vượt kế hoạch đề ra 11,1% so với kế hoạch đã điều chỉnh, nếu so sánh với kế hoạch lợi nhuận 100 tỷ đầu năm thì lợi nhuận thực hiện vượt 33,37%.

Đối với các đơn vị thành viên và công ty con của LICOGI 16, đa số các công ty có chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đề ra, tuy nhiên một số công ty không hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu. Mặt dù vậy, chỉ tiêu lợi nhuận của các công ty thành viên vẫn đảm bảo để chia cổ tức năm 2008 khoảng từ 14 đến 20% vốn điều lệ.

BẢNG: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2008

Stt	**Tên công ty**	**Đơn Vị**	**Sản lượng**			**Doanh thu**			**Lợi nhuận**
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Thực hiện
I	**Công ty cổ phần LICOGI 16**	**Tr.đ**	**940,000**	**747,453**	**79.52%**	**600,000**	**565,606**	**94.27%**	**133,377**
II	**Các công ty thành viên và Công ty con**	**Tr.đ**	**607,000**	**466,954**	**76.93%**	**354,000**	**326,090**	**92.12%**	**29,926**
1	Công ty cổ phần LICOGI 16.1	Tr.đ	127,000	121,800	**95.91%**	114,000	98,822	**86.69%**	5,000

2	Công ty cổ phần LICOGI 16.2	Tr.đ	80,000	80,000	**100.00%**	55,000	59,000	**107.27%**	6,000
3	Công ty cổ phần LICOGI 16.5	Tr.đ	48,000	30,359	**63.25%**	36,000	18,971	**52.70%**	6,500
4	Công ty cổ phần LICOGI 16.6	Tr.đ	65,000	74,750	**115.00%**	50,000	54,222	**108.44%**	6,250
5	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	Tr.đ	10,000	7,000	**70.00%**	7,000	6,590	**94.14%**	829
6	Công ty Cổ phần LICOGI 16.9	Tr.đ	-	-	**0.00%**	-	5,900	**0.00%**	-
7	Công ty cổ phần Cơ khí LICOGI 16	Tr.đ	112,000	123,000	**109.82%**	84,970	82,285	**96.84%**	5,347
8	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	Tr.đ	62,844	16,469	**26.21%**		300	**0.00%**	-
9	Công ty TNHH TM-DV-XD Điền Phước	Tr.đ	102,156	13,576	**13.29%**	7,030	-	**0.00%**	-
	Tổng cộng cả hệ thống LICOGI 16	**Tr.đ**	**1,547,000**	**1,214,407**	**78.50%**	**954,000**	**891,696**	**93.47%**	**163,303**

1.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2008:

Đối với các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản:

1. Dự án Khu dân cư Long Tân 210 ha xã Long Tân và Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai

+ Giai đoạn 1 với diện tích 50ha: Công ty đã tiến hành xây dựng cơ bản hoàn tất phần cơ sở hạ tầng (hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện nước, cây xanh…), đang tiến hành bàn giao đất cho các hộ dân đã tham gia góp vốn. Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước: nộp tiền sử dụng đất, nộp lệ phí trước bạ… Đang trình các cơ quan có thẩm quyền để ra sổ đỏ cho từng lô đất trong dự án.

Tổng diện tích đất đã bán và đổi đất: 208.457,8 m^2, với tổng số tiền theo hợp đồng là 269.249.347.890 đồng.

Trong đó tổng số tiền đã thu 240.194.900.085 đồng, dự kiến còn lại 29.054.447.805 đồng sẽ thu trong năm 2009.

+ Giai đoạn 2 với diện tích 27 ha: Công ty đã tiến hành đền bù giải toả mặt bằng được 20,7 ha, đã triển khai san nền đạt 50% khối lượng. Khối lượng còn lại sẽ triển khai theo tiến độ đền bù của dự án. Đồng thời triển khai thi công hệ thống đường bao xung quanh.

Tổng diện tích đất đã mời gọi góp vốn đầu tư và đổi đất 16.187,9 m^2 , tổng giá trị hợp đồng 27.568.016.000 đồng, đã thu 22.063.811.000 đồng, số còn lại 5.504.205.000 dự kiến thu trong năm 2009 và 2010.

+ Giai đoạn 3 với diện tích 83ha: Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với 2 đối tác nước ngoài thuộc Công ty quản lý quỹ Vinacapital: Vinaland Heritage limited và Vinaland

Eastern limited để thành lập Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội. Chi tiết số liệu được thể hiện trên Báo cáo tài chính do Ban điều hành sẽ trình bày. **Sau khi thực hiện xong hợp đồng này, Licogi 16 được 30% vốn điều lệ trong Liên doanh tương đương 16.800.000 USD và nhận về khoảng lợi nhuận 45 tỷ đồng.**

+ Giai đoạn 4 với diện tích 50ha: Sau khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã thông qua nghị quyết nhận chuyển nhượng lại 95% vốn điều lệ của Công ty TNHH XD-DV-TM Điền Phước. Công ty này là đã được UBND tỉnh Đồng Nai giao làm chủ đầu tư dự án Khu dân cư tại xã Long Tân 50ha, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt. Hiện nay công ty đã đi vào hoạt động và đang triển khai đền bù, tính đến 31/12/2009 đã đền bù được 11ha.

2. Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phố chợ Ngãi Giao (gồm ba lô B1, B4, D1 với 90 căn nhà)

Công ty đã xây dựng xong 90 căn, UBND huyện Châu Đức đã cấp 43 căn, số còn lại hiện nay đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

3. Dự án xây dựng cao ốc văn phòng và cho thuê số 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh:

- Diện tích khu đất 341.1m^2.
- Tổng mức đầu tư khoảng gần 50 tỷ đồng. Trong đó: giá trị đất 23tỷ, kinh phí xây dựng khoảng 27 tỷ đồng với quy mô 2 tầng hầm, 1 tầng trệt, 1 tầng lửng và 8 tầng lầu.
- Dự kiến đưa vào sử dụng cuối năm 2009. Công ty sử dụng ba tầng để làm văn phòng, 1 tầng được thiết kế các phòng họp riêng cho tòa nhà, còn lại cho thuê.

4. Đối với dự án đầu tư thiết bị bê tông đầm lăn- thuỷ điện Bản Chát- tỉnh Lai Châu

Tính đến 31 tháng 12 năm 2008, tổng vốn đầu tư đã giải ngân cho Dự án đầu tư dây chuyền bê tông đầm lăn và hạng mục phụ trợ: 159.133.307.382 đồng, trong đó hệ thống thiết bị bê tông đầm lăn 141.655.307.282 đồng, các hạng mục phụ trợ và chi phí khác: 17.478.000.000 đồng. Hiện nay, đang dần hoàn thiện hạng mục phụ trợ, lán trại: Khu phụ trợ RCC, hệ thống băng tải và đường ống áp suất âm, khu lán trại.

Dự kiến đổ bê tông đầm lăn trong tháng 06 năm 2009.

5. Dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp tại vị trí D25 đường Nguyễn Phong Sắc nối dài quận Cầu Giấy, Hà Nội với quy mô 9.265 m^2.

UBND thành phố Hà Nội đã có văn bản chấp thuận cho Công ty Cổ phần LICOGI 16 làm chủ đầu tư. Đồng thời Công ty cũng nhận được văn bản xác định chỉ giới đường đỏ của dự án, phê duyệt thỏa thuận tổng mặt bằng.

6. Dự án khu đô thị mới đường Lý Thường Kiệt, P. Lộc Phát, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Dự án Khu dân cư tại đường Lý Thường Kiệt mà Công ty đầu tư có vị trí hết rất thuận lợi, nằm trên trục đường Lý Thường Kiệt nối dài của Thị Xã hiện tại, ngay cạnh hồ sinh thái Nam Phương.

Dự án đã được UBND tỉnh Lâm Đồng chấp thuận cho công ty cổ phần LICOGI 16 làm chủ đầu tư và phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500. Công ty đã tạm ứng tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách nhà nước 5 tỷ đồng.

7. Dự án chung cư CT7 Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng lại 3.997 m^2 đất với mục đích xây dựng chung cư tại Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Công ty đã tạm ứng theo hợp đồng 5 tỷ đồng.

Hiện nay đang thống nhất các chỉ tiêu cơ bản về kỹ thuật để thiết kế quy hoạch chi tiết.

8. Dự án trường cao đẳng Nghề khoa học công nghệ LICOGI

Đã đền bù cơ bản xong đất cho dự án khoảng 8ha.

Hoàn thiện xong phần san nền giai đoạn 1 và đang xây dựng tường rào xung quanh.

1.3. CÔNG TÁC MỞ RỘNG QUY MÔ SẢN XUẤT VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP

Nhằm đa dạng hóa ngành nghề và chuyên biệt hóa các lĩnh vực hoạt động, chủ động tìm kiếm và mở rộng lĩnh vực hoạt động, tăng năng lực cạnh tranh cho cả hệ thống LICOGI 16, Hội đồng quản trị đã định hướng chuyển đổi mô hình hoạt động của các đơn vị, bộ phận trực thuộc thành các công ty cổ phần thành viên. Tính đến nay, Công ty cổ phần LICOGI 16 có 8 đơn vị thành viên, 1 công ty con và một chi nhánh. Vốn điều lệ và tỷ lệ sở hữu của LICOGI 16 tại các đơn vị thành viên và công ty con được thể hiện trong bảng sau:

Bảng: Vốn điều lệ của các công ty thành viên và công ty con

Đvt: 1.000 đồng

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2008	Trong đó (tính đến 31/12/2009)	
				Vốn góp của LICOGI 16	Các cổ đông khác
1	Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	15,000,000	15,000,000	6,000,000	9,000,000
2	Công ty Cổ phần LICOGI 16.2	20,000,000	20,000,000	8,000,000	12,000,000
3	Công ty Cổ phần LICOGI 16.5	24,850,060	24,850,060	12,250,000	12,600,060
4	Công ty Cổ phần LICOGI 16.6	25,000,000	25,000,000	10,000,000	15,000,000
5	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	10,000,000	2,000,000	800,000	1,200,000
6	Công ty Cổ phần LICOGI 16.9	36,000,000	28,400,000	17,000,000	11,400,000
7	Công ty Cổ phần Cơ khí LICOGI 16	26,000,000	26,000,000	12,000,000	14,000,000
8	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	100,000,000	89,250,000	42,000,000	47,250,000
9	Công ty TNHH TM-DV-XD Điền Phước	150,000,000	30,805,000	30,805,000	
	Tổng				

		406,850,060	**261,305,060**	**108,050,000**	**153,255,060**

Bằng uy tín, thương hiệu và năng lực tài chính của mình, Công ty cổ phần LICOGI 16 chủ động tìm kiếm các dự án, công trình sau đó giao lại cho các đơn vị thành viên để trực tiếp thi công, triển khai dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc tổng thầu.

Năm 2008, tình hình tài chính khó khăn, các đơn vị thành viên thiếu vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 thông qua nghị quyết hỗ trợ bằng việc cho vay vốn với lãi suất hợp lý. Chính nhờ nguồn vốn này, các đơn vị thành viên đã vượt qua khó khăn thách thức và đạt kết quả tốt trong năm 2008 tạo đà phát triển cho năm 2009.

2. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2008

Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần LICOGI 16 gồm 7 người: 4 người trong Công ty Cổ phần LICOGI 16, 01 người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI), 01 người đại diện của Công ty Tài chính dầu khí- Chi nhánh Tp. HCM, 01 người đại diện của Công ty quản lý quỹ đầu tư Vina Capital.

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh từng quý, xử lý những vấn đề vướng mắc của Ban điều hành và định hướng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh quý tiếp theo. Đồng thời với việc tổ chức cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thường xuyên trao đổi công việc với các thành viên qua điện thoại nhằm giảm bớt thời gian, hơn nữa giải quyết nhanh chóng và kịp thời các vấn đề phát sinh của Ban điều hành nhưng vượt quá thẩm quyền cần lấy ý kiến của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn tuân thủ những quy định của Điều lệ và quy chế hoạt động, một số vấn đề phát sinh Hội đồng quản trị thông qua lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị đã thông qua các nghị quyết về việc thành lập các phòng chức năng mới, sáp nhập và cơ cấu lại các phòng ban, chi nhánh của Công ty để đáp ứng những yêu cầu phát triển mới của công ty.

3. Trong năm 2008, với sự nỗ lực vượt bậc của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã thống nhất thông qua các Nghị quyết rất quan trọng liên quan đến cơ cấu tổ chức và định hướng chiến lược phát triển của Công ty trên cơ sở thực thi các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, một số điểm nổi bật được trình bày dưới đây:

- Thứ nhất, trong quý 1 năm 2008, Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết thông qua kết quả đợt tăng vốn điều lệ từ 56,5 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng. Chỉ đạo Ban điều hành mời tổ chức kiểm toán vốn để hoàn thiện hồ sơ báo cáo đợt tăng vốn cho UBCKNN. Đợt tăng vốn điều lệ này được đánh giá là thành công với giá trị thặng dư vốn là 162.072.007.200 đồng. Tổng giá trị thặng dư vốn tính đến 31 tháng 12 năm 2008 là 227.799.104.885 đồng.
- Thứ hai, trong điều kiện các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam biến động phức tạp, tăng trưởng của nền kinh tế chậm lại, biến động của giá cả vật tư thất thường, đặc biệt

tình hình vốn tài trợ cho các dự án khó khăn do chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ. Tuy nhiên, bằng sự nổ lực vượt bật của HĐQT cùng với các điều kiện đã được tích lũy từ các năm trước, trong năm 2008 HĐQT đã nhanh chóng khai thác lợi thế các dự án bất động sản tại Nhơn Trạch. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung nguồn lực để đẩy nhanh các công việc liên quan đến việc thực thi hợp đồng hợp tác đầu tư với Vina capital. Vì vậy HĐQT đã xin ý kiến Cổ đông điều chỉnh các chỉ tiêu SXKD so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để phù hợp với tình hình thực tế: lợi nhuận tăng từ 100 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng. Thực tế kết quả cuối năm 2008, lợi nhuận đạt 133,377 tỷ đồng vượt kế hoạch 11,1%.

- Thứ ba, sau khi kết thúc đợt phát hành tăng vốn điều lệ, cổ phiếu của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã giảm mạnh theo đà giảm chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hội đồng quản trị nhận thấy việc giữ vững thương hiệu, nâng cao giá trị của công ty là việc làm rất quan trọng để tăng uy tín và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã lấy ý kiến của các thành viên để ra Nghị quyết mua cổ phiếu quỹ trong tháng 5 năm 2008. Tổng số cổ phiếu quỹ đã được mua 216.500 cổ phần với giá bình quân là 31.000 đồng/cp. Hội đồng quản trị đã hoàn tất các thủ tục hồ sơ theo quy định và báo cáo với UBCKNN.
- Thứ tư, với sự năng động của các thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có một số thành viên Hội đồng quản trị đại diện cho các tổ chức có uy tín, có kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro đã đóng góp ý kiến xây dựng định hướng chiến lược của Công ty rất kịp thời, phù hợp với từng điều kiện của nền kinh tế và điều kiện của Công ty. Đặc biệt, trong điều kiện khan hiếm về vốn, thị trường bất động đóng băng HĐQT ra nghị quyết tạm dừng không đầu tư thêm vào 1 dự án Bất động sản với mục đích tập trung vốn tài trợ cho các dự án trọng điểm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên hội đồng quản trị đã tham vấn hạn chế việc đầu tư tài chính của Công ty trong điều kiện thị trường chứng khoán biến động khó lường.
- Thứ năm, Hội đồng quản trị đã thông qua nghị quyết và chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện hồ sơ đưa cổ phiếu của LICOGI 16 giao dịch trên sàn chứng khoán Tp. HCM, phiên giao dịch đầu tiên là ngày 18 tháng 11 năm 2008, với mã giao dịch là LCG. Đây là bước ngoặc quan trọng trên chặng đường phát triển của LICOGI 16. Kể từ sự kiện này, việc minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được quan tâm và chú trọng hơn, thương hiệu của LICOGI 16 được nâng cao và mở rộng trên thị trường xây dựng và bất động sản. Từng bước xây dựng hệ thống quản trị công ty theo hướng tiên tiến và chuẩn mực.
- Thứ sáu, Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế đã ra hai nghị quyết tạm ứng cổ tức đợt 1 (với tỷ lệ 12,5%) và đợt 2 (với tỷ lệ 10%).

2. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2009

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

1.1. Sản xuất kinh doanh:

- **Tổng giá trị sản lượng: 1.882.400.000.000 đồng**

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI 16: 802.900.000.000 đồng,

tăng 107,4% so với thực hiện năm 2008.

+ Các công ty thành viên: 1.079.500.000.000 đồng,

tăng 231,2% so với thực hiện năm 2008.

- ***Tổng doanh thu: 1.335.400.000.000 đồng***

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI 16: 683.400.000.000 đồng,

tăng 120,8% so với thực hiện năm 2008.

+ Các công ty thành viên: 652.000.000.000 đồng,

tăng 199,9% so với thực hiện năm 2008.

- ***Lợi nhuận sau thuế 198.619.000.000 đồng,***

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI 16: 160.000.000.000 đồng,

tăng 120% so với thực hiện năm 2008 (đã tính cả phần cổ tức sẽ được chia từ các công ty thành viên)

+ Các công ty thành viên: 38.619.000.000 đồng,

tăng 129% so với thực hiện năm 2008.

- ***Tỉ lệ chia cổ tức cả năm 2009: 25%, bằng tiền mặt.***

BẢNG: KHSXKD NĂM 2009

Stt	Tên công ty	Đvt	Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận
I	**Công ty cổ phần LICOGI 16**	**Tr.đ**	**802,900**	**683,400**	**160,000**
II	**Các công ty thành viên và Công ty con**	**Tr.đ**	**1,079,500**	**652,000**	**38,619**
1	Công ty cổ phần LICOGI 16.1	Tr.đ	130,000	120,000	5,000
2	Công ty cổ phần LICOGI 16.2	Tr.đ	130,000	80,000	6,000
3	Công ty cổ phần LICOGI 16.5	Tr.đ	50,000	45,000	6,500
4	Công ty cổ phần LICOGI 16.6	Tr.đ	376,000	265,000	6,250
5	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	Tr.đ	12,000	10,000	1,369
6	Công ty Cổ phần LICOGI 16.9	Tr.đ	29,000	25,000	6,000
7	Công ty cổ phần Cơ khí LICOGI 16	Tr.đ	126,500	94,000	7,500

8	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	Tr.đ	126,000	13,000	-
9	Công ty TNHH TM-DV-XD Điền Phước	Tr.đ	100,000	-	-
	Tổng cộng cả hệ thống LICOGI 16	**Tr.đ**	**1,882,400**	**1,335,400**	**198,619**

BẢNG: DỰ KIẾN KHSXKD NĂM 2009 SO VỚI TH NĂM 2008

Stt	Tên công ty	Đơn Vị	Sản lượng		Doanh thu		Lợi nhuận	
			Kế hoạch 2009	So với thực hiện năm 2008	Kế hoạch 2009	So với thực hiện năm 2008	Kế hoạch 2009	So với thực hiện năm 2008
I	**Công ty cổ phần LICOGI 16**	**Tr.đ**	**802,900**	**107.4%**	**683,400**	**120.8%**	**160,000**	**120.0%**
II	**Các công ty thành viên và Công ty con**	**Tr.đ**	**1,079,500**	**231.2%**	**652,000**	**199.9%**	**38,619**	**129.0%**
1	Công ty cổ phần LICOGI 16.1	Tr.đ	130,000	**106.7%**	120,000	**121.4%**	5,000	**100.0%**
2	Công ty cổ phần LICOGI 16.2	Tr.đ	130,000	**162.5%**	80,000	**135.6%**	6,000	**100.0%**
3	Công ty cổ phần LICOGI 16.5	Tr.đ	50,000	**164.7%**	45,000	**237.2%**	6,500	**100.0%**
4	Công ty cổ phần LICOGI 16.6	Tr.đ	376,000	**503.0%**	265,000	**488.7%**	6,250	**100.0%**
5	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	Tr.đ	12,000	**171.4%**	10,000	**151.7%**	1,369	**165.1%**
6	Công ty Cổ phần LICOGI 16.9	Tr.đ	29,000	**0.0%**	25,000	**423.7%**	6,000	**0.0%**
7	Công ty cổ phần Cơ khí LICOGI 16	Tr.đ	126,500	**102.8%**	94,000	**114.2%**	7,500	**140.3%**
8	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	Tr.đ	126,000	**765.1%**	13,000	**4333.3%**	-	**0.0%**
9	Công ty TNHH TM-DV-XD Điền Phước	Tr.đ	100,000	**736.6%**	-	**0.0%**	-	**0.0%**
	Tổng cộng cả hệ thống LICOGI 16	**Tr.đ**	**1,882,400**	**155.0%**	**1,335,400**	**149.8%**	**198,619**	**121.6%**

1.2. Tiến độ thực hiện các dự án hiện có, kế hoạch đầu tư trong năm 2009

- **Đối với các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản:**

1. Dự án Khu dân cư Long Tân 210 ha xã Long Tân và Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai

+ Giai đoạn 1- diện tích 50ha:

- Hoàn thiện các phần việc còn lại của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tiếp tục bàn giao đất cho khách hàng đã thực hiện đúng theo cam kết trong hợp đồng. Tập trung thu hồi vốn của các hợp đồng góp vốn đã ký trong các năm trước, dự kiến thu trong năm 2009 *giá trị khoảng 29tỷ đồng.*

- Tuỳ theo tình hình thị trường bất động sản, Hội đồng quản trị sẽ quyết định kinh doanh đất thương phẩm còn lại của dự án trong năm 2009 và 2010, d*ự kiến tổng doanh thu đối với phần diện tích đất này như sau:*

Stt	Loại đất	Diện tích	Giá dự kiến	Thành tiền
1	Đất ở còn lại	13,809.50	2,200,000	30,380,900,000
2	Dịch vụ công cộng	27,553	1,000,000	27,552,700,000
3	Công trình giáo dục	43,526	1,000,000	43,526,000,000
4	Chung cư	42,601	1,500,000	63,901,950,000
		127,490		**165,361,550,000**

- Đối với số lượng diện tích đất chung cư, công trình dịch vụ thương mại- công cộng sẽ có phương án kinh doanh cụ thể tuỳ thuộc vào diễn biến của thị trường.

- Dự án này hệ thống hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, chi phí công ty bỏ ra thêm để đầu tư không nhiều, doanh thu còn lại phần lớn được hạch toán vào lợi nhuận.

+ Giai đoạn 2- diện tích 27 ha:

- Tiếp tục công tác đền bù giải phóng mặt bằng phần diện tích đất còn lại trong dự án.

- Đang thực hiện các bước tiếp theo của dự án: Xác định tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước, hồ sơ đền bù, hồ sơ giao đất…

- Triển khai công tác hồ sơ pháp lý của dự án.

- Phương án kinh doanh: Tùy thuộc vào diễn biến thị trường bất động sản mà Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết để thực hiện việc kinh doanh. Tổng số tiền còn lại phải thu của các hợp đồng cũ: 5.504.000.000 đồng sẽ thu trong năm 2009 và 2010.

Stt	Loại đất	Diện tích	Giá dự kiến	Thành tiền
1	Đất ở	33,864	2,500,000	84,659,000,000
2	Dịch vụ công cộng	29,000	1,000,000	29,000,000,000
3	Chung cư	58,000	1,500,000	87,000,000,000
		120,864		**200,659,000,000**

+ Giai đoạn 3- diện tích 83ha:

- Đây là dự án trọng tâm của Công ty trong năm 2009, Công ty tập trung cao độ để thực hiện hoàn chỉnh các công việc của mình đã được quy định trong hợp đồng liên doanh. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2009 chủ yếu từ dự án này. Tính đến thời điểm diễn ra Đại hội, UBND tỉnh Đồng Nai đã có công văn đồng ý chấp thuận cho Công ty CP LICOGI 16 liên doanh với các đối tác nước ngoài để khai thác dự án. Các

đối tác đã hoàn thiện hồ sơ thành lập Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội gửi Sở kế hoạch và đầu tư Đồng Nai. Dự kiến trong giữa tháng 5 sẽ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tính đến thời điểm này tổng số đất công ty đã đền bù được là 722.332 m^2, phần còn lại 117.568 m^2 sẽ đền bù xong trong năm 2008.

- Tập trung cao độ thời gian, nguồn lực về vốn, nhân sự để thực hiện thành công dự án này trong năm 2009 thì kế hoạch lợi nhuận sẽ vượt kế hoạch đề ra.

+ Giai đoạn 4- diện tích 50ha- do Công ty TNHH Dịch vụ- Thương mại- Xây dựng Điền phước thực hiện.

- Tiếp tục đền bù phần còn lại của dự án.
- Tiếp tục bám các sở ban ngành để xin giới thiệu phần mở rộng của dự án.

2. Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phố chợ Ngãi Giao (gồm ba lô B1, B4, D1 với 90 căn nhà)

Đã bán 72 căn, số còn lại phải thu năm 2009 là: 5.195.980.000 đồng. Công ty tiếp tục tăng cường công tác xúc tiến tiếp thị, kinh doanh 18 căn còn lại và thu hồi vốn dự án Ngãi Giao.

3. Dự án nhà văn phòng 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, HCM

Hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2009.

Lập phương án kinh doanh và giới thiệu cho khách hàng thuê số diện tích sàn còn lại.

4. Dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp tại vị trí D25 đường Nguyễn Phong Sắc nối dài quận Cầu Giấy, Hà Nội với quy mô 9.265 m^2.

Công ty đang phối hợp với Sở quy hoạch kiến trúc Hà Nội xin điều chỉnh công năng từ Trụ sở văn phòng sang chức năng hỗn hợp Văn phòng và Nhà ở. Trong năm 2009, hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý và nhận Quyết định giao đất.

5. Dự án đầu tư thiết bị bê tông đầm lăn- thuỷ điện Bản Chát- tỉnh Lai Châu

Tổng mức giải ngân dự kiến khoảng 110 tỷ đồng, từ đầu năm đến nay giải ngân 50 tỷ đồng, phần còn lại sẽ giải ngân theo tiến độ tại công trường.

Bắt đầu từ tháng 7 năm 2009 sẽ thu hồi vốn bao gồm phần tạm ứng và khối lượng thi công được nghiệm thu.

6. Dự án đầu tư khu dân cư 20ha tại TX. Bảo Lộc-Lâm Đồng

Công ty đã thành lập Ban quản lý dự án, UBND tỉnh Lâm Đồng đã cấp giấy chứng nhận đầu tư. Bám sát với các sở ban ngành của tỉnh Lâm Đồng để ra quyết định thu hồi đất tổng thể, quyết định thu hồi đất của từng thửa. Trong năm 2009, triển khai công tác kiểm kê đền bù.

7. Dự án chung cư CT7 Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Thống nhất với các nhà đầu tư thứ phát trong khu vực dự án phương án quy hoạch chi tiết của dự án.

8. Dự án trường cao đẳng Nghề khoa học công nghệ LICOGI

Tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi để tài trợ vốn cho dự án, tiến hành xây dựng một số hạng mục nằm trong kế hoạch giai đoạn 1 của trường.

2. Các giải pháp chủ yếu để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2009

Định hướng tập trung các giải pháp trong quá trình triển khai SXKD:

2.1. Đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư:

- Điểm nhấn trọng tâm là các dự án Khu dân cư tại Nhơn Trạch- Đồng Nai. Đặc biệt là dự án giai đoạn 3- quy mô 83,99ha. Đây là nguồn lợi nhuận chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận của Công ty trong năm 2009. Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo quyết liệt Ban điều hành tập trung ngồn vốn, nhân lực và các giải pháp tháo gỡ kịp thời để hoàn thiện xong dự án giao cho công ty liên doanh.

- Tập trung triển khai lắp đặt thiết bị phần còn lại của Dự án sản xuất bê tông đầm lăn Thủy điện Bản Chát, tiến hành thi công và cung cấp bê tông theo đúng tiến độ đề ra của Chủ đầu tư. Hội đồng quản trị xác định đây là dự án sẽ mang lại doanh thu và lợi nhuận chiếm tỷ trọng cao của Công ty trong vòng 3 năm kể từ năm 2010.

- Hoàn thiện, đưa vào sử dụng và khai thác tòa nhà văn phòng 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp tại vị trí D25 đường Nguyễn Phong Sắc nối dài, quận Cầu Giấy Hà Nội, với diện tích 9.265 m^2. Hội đồng quản trị sẽ tập trung hoàn thiện hồ sơ để trình UBND thành phố Hà Nội ra quyết định giao đất trong năm 2009. Đây là dự án tọa lạc tại vị trí mang lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty trong tương lai. Sau khi có Quyết định giao đất, HĐQT sẽ xúc tiến giới thiệu hợp tác đầu tư khai thác dự án.

2.2. Đối với các dự án Công ty là nhà thầu triển khai thi công

Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo hai công trình trọng điểm:

- Công trình Thuỷ điện Đồng Nai 3 do Công ty Cổ phần LICOGI 16.2 trực tiếp thi công.

- Công trình Thuỷ điện Bản Chát do Công ty Cổ phần LICOGI 16.6 và Chi nhánh Lai Châu trực tiếp thi công.

Một số giải pháp khác:

a/ Giải pháp về vốn cho hoạt động SXKD:

- Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Ban điều hành bằng các biện pháp khác nhau để tiếp tục nâng cao năng lực của cán bộ quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý gián tiếp. Tập trung xử lý các vướng mắc về hồ sơ đối với các công trình đã đưa vào sử dụng để thu hồi vốn, kịp thời bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là các công trình xây lắp trước đây còn tồn đọng.

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương huy động vốn thông qua hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và khu nhà ở. Tập trung khai thác các dự án tại Nhơn Trạch- Đồng Nai.

- Tích cực giải ngân và sử dụng có hiệu quả vốn phục vụ hoạt động sản xuất và thi công các công trình.

- Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Ban điều hành tiếp cận các tổ chức tín dụng khác nhau để tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án với chi phí vốn thấp nhất.

- Tuỳ theo điều kiện cụ thể phát sinh các dự án như nêu trên trong từng quý của năm 2009, Hội đồng quản trị sẽ lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông để thông qua phương thức huy động vốn để thực hiện dự án.

b/ Giải pháp về quản lý - điều hành:

- Yêu cầu Ban điều hành thực thi các điều kiện cần thiết để toàn thể hoạt động của công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế quản trị và các quy chế khác của Công ty.

- Tiếp tục xem xét sắp xếp bộ máy tổ chức và nhân sự đảm bảo đủ lực thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Có chính sách thu hút CBCNV có năng lực, đã được đào tạo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm nhằm bổ sung nguồn nhân lực, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, phát triển SXKD của Công ty.

- Tiếp tục quan tâm hơn nữa trong công tác tiền lương, công tác thi đua khen thưởng nhằm động viên và khuyến khích sự sáng tạo, đóng góp của CBCNV công ty. Chú trọng đến công tác đào tạo theo chiều sâu.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán ASNAF Việt Nam theo quy định pháp luật về kế toán, chuẩn mực kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

1. Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**787,823,531,263**	**305,507,006,312**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**17,292,165,643**	**94,360,039,373**
1. Tiền	111		16,492,165,643	94,360,039,373
2. Các khoản tương đương tiền	112		800,000,000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**503,920,800**	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		503,920,800	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**438,701,322,564**	**142,089,473,771**
1. Phải thu của khách hàng	131		66,888,396,785	42,874,865,962
2. Trả trước cho người bán	132		19,245,545,171	38,399,660,152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			

4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	**V.03**	352,756,354,439	61,003,921,488
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(188,973,831)	(188,973,831)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**310,514,630,940**	**63,368,008,736**
1. Hàng tồn kho	141	**V.04**	310,514,630,940	63,368,008,736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**20,811,491,316**	**5,689,484,432**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,392,385,584	702,302,636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40,171,999	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	507,396,101
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14,378,933,733	4,479,785,695
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**334,689,970,424**	**110,212,362,240**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			**3,707,054,189**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			3,707,054,189
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**198,577,173,748**	**48,927,616,607**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.05**	15,247,247,901	26,346,018,625
- Nguyên giá	*222*		*18,904,531,081*	*34,960,442,943*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(3,657,283,180)*	*(8,614,424,318)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	**V.06**	4,488,750,500	
- Nguyên giá	*225*		*4,488,750,500*	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*			
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.07**	981,444,444	988,111,112
- Nguyên giá	*228*		*992,000,000*	*992,000,000*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		*(10,555,556)*	*(3,888,888)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	**V.08**	177,859,730,903	21,593,486,870
III. Bất động sản đầu tư	**240**			

- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.09**	**117,247,980,141**	**56,976,551,284**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		117,247,980,141	56,976,551,284
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Lợi thế thương mại	**260**		13,680,000,000	
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**5,184,816,535**	**601,140,160**
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	**V.10**	634,053,037	601,140,160
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278		4,550,763,498	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**1,122,513,501,687**	**415,719,368,552**
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**609,297,285,258**	**228,156,545,237**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**490,648,957,106**	**228,066,657,229**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	**V.11**	204,791,000,000	103,910,549,918
2. Phải trả người bán	312		42,443,323,542	19,548,404,799
3. Người mua trả tiền trước	313		6,429,767,373	1,604,269,524
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	**V.12**	68,648,044,472	21,481,480,709
5. Phải trả công nhân viên	315		1,188,644,546	464,624,536
6. Chi phí phải trả	316	**V.13**	125,727,165,301	(2,816,309,523)
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	**V.14**	41,421,011,872	83,873,637,266
II. Nợ dài hạn	**330**		**118,648,328,152**	**89,888,008**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		3,000,000	3,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	**V.15**	118,619,574,716	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			

6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		25,753,436	86,888,008
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**513,216,216,429**	**187,562,823,315**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**497,412,426,385**	**184,108,669,557**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		136,000,000,000	56,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		232,479,309,557	65,834,506,776
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(6,724,000,000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20,478,433,441	7,140,700,467
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,600,000,000	7,140,700,467
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		101,578,683,387	47,492,761,847
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**15,803,790,044**	**3,454,153,758**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		15,803,790,044	3,454,153,758
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1,122,513,501,687**	**415,719,368,552**

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2008:

Năm 2007 Công ty không lập báo cáo hợp nhất do vậy không có số liệu để so sánh

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**00**	**V.17**	**444,593,853,451**
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần bán hàng Và cung cấp dịch vụ	**10**	**V.18**	**444,593,853,451**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**V.19**	**318,003,881,001**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng Và cung cấp dịch vụ	**20**		**126,589,972,450**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**V.20**	**39,268,798,579**
7. Chi phí tài chính	22	**V.21**	**16,672,163,637**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,613,587,592
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**15,625,751,665**

10. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	**30**		**133,560,855,727**
11. Thu nhập khác	31		**81,743,180,771**
12. Chi phí khác	32		**32,186,572,386**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**49,556,608,385**
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**50**	**V.22**	**3,576,852,151**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**60**		**186,694,316,263**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**61**	**V.23**	**51,260,134,369**
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**62**		**-**
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**70**		**135,434,181,894**
18.1. Lợi ích cổ đông thiểu số	***71***		**-**
18.2.Lợi nhuận sau thuế của Công ty	***72***		**135,434,181,894**

3. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

Hiện nay, báo cáo tài chính riêng năm 2008 của Công ty cổ phần LICOGI 16 đã được kiểm toán ngày 31/03/2009 bởi Công ty TNHH kiểm toán ASNAF Việt Nam. Trong Báo cáo kiểm toán có đề cập đến việc ghi nhận một phần doanh thu, giá vốn của khu đất 839.900m2. Bằng công văn này chúng tôi xin giải trình tới Quý Sở chi tiết của sự việc như sau:

Công ty CP LICOGI 16 là chủ đầu tư của khu đất 839.900 m2 tại hai xã Long Tân và Phú Hội thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và đã ký Hợp đồng Liên doanh với Vinaland Heritage Limited (VOF) và Vinaland Eastern Limited (VHL) để hình thành Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội với các nội dung cơ bản như sau:

- Vốn điều lệ và hình thức góp vốn

TT	Thành viên sáng lập	Tỷ lệ	Số tiền (USD)	Hình thức góp vốn
1	LICOGI 16	70%	39.200.000	Bằng một phần Giá trị QSD đất
2	Vinaland eastern Limited	22,5%	12.600.000	Bằng tiền mặt
3	Vinaland Heritage Limited	7,5%	4.200.000	Bằng tiền mặt
	Cộng	100%	56.000.000	

Trong đó, giá trị QSD đất của Licogi 16 được các Bên thống nhất là 51.233.900 USD (bình quân 61USD/m2). Licogi 16 dùng để góp vốn 39.200.000 USD, phần còn lại 12.033.900 USD Công ty Liên doanh sẽ chuyển trả Licogi bằng tiền.

- Tiến độ góp vốn và nhận lại phần chênh lệch 12.033.900 USD của Licogi 16:
  + Đợt 1: Sau khi Licogi 16 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2. Khi đó, coi như Licogi 16 đã góp được 33.712.000 USD vốn điều lệ và được nhận lại 9.879.980 USD từ tiền góp vốn của 02 đối tác còn lại.

+ Đợt 2: Sau khi Licogi 16 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 117.568 m2. Khi đó, coi như Licogi 16 đã góp đủ nốt phần còn lại 5.488.000 USD vốn điều lệ và được nhận lại 2.153.920 USD từ tiền góp vốn của 02 đối tác còn lại.

- Ngoài Hợp đồng Liên doanh trên, các Bên trong liên doanh (Licogi 16, VOF và VHL) đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn trong liên doanh như sau: Licogi 16 đồng ý chuyển nhượng cho VHL 30%, VOF 10% vốn điều lệ của Licogi 16 tại Liên doanh (Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội) với tổng giá trị chuyển nhượng là 21.371.430 USD theo tiến độ như sau:

Đơn vị tính: USD

Tiến độ	VHL thanh toán cho Licogi 16	VOF thanh toán cho Licogi 16	Tổng cộng
Đợt 1: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng góp vốn bằng giá trị QSD đất cho 722.332 m2 được công chứng	5.142.857	1.714.286	6.857.143
Đợt 2: Sau 15 ngày kể từ khi thủ tục chuyển nhượng vốn góp được hoàn tất	10.885.715,5	3.628.571,5	14.514.287
Tổng cộng	16.028.572,5	5.342.857,5	21.371.430

Như vậy, sau khi thực hiện xong 02 hợp đồng này, Licogi 16 được 30% vốn điều lệ trong Liên doanh tương đương 16.800.000 USD và nhận về 33.405.330 USD

- Thực tế: Đến hết 31/12/2008, Licogi 16 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2 theo Quyết định số 4510/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Đồng Nai.

Việc thực hiện dự án trên đã được tiến hành từ vài năm trước chứ không chỉ năm 2008 và 2009. Đến hết năm 2008 đã cơ bản đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2. Phần còn lại sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2009. Như vậy, trong năm 2009, Licogi 16 sẽ hoàn tất mọi thủ tục về đất đai để chuyển sang Liên doanh (Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội) tiếp tục thực hiện công đoạn xây dựng và quản lý dự án. Vì vậy, kết quả có được của việc thực hiện dự án cần được phân bổ cho các năm chứ không chỉ riêng năm 2009 khi thực sự xong các thủ tục cần thiết về mặt bằng.

Căn cứ theo quy định tại tiết 1.1 (Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản) mục 1 khoản II phần G của Thông tư 130/2008/TT – BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về Thuế Thu nhập doanh nghiệp có quy định: *"Thời điểm doanh thu tính thuế là thời điểm bên bán bàn giao bất động sản cho bên*

mua, không phụ thuộc việc bên mua đã đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

Căn cứ theo điểm a mục 1.3 và mục 1.4 thuộc phần IX Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán số 15 "Hợp đồng xây dựng" thì: *" Đối với hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu"*

Vì vậy, thực tế thực hiện tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng của khu đất và Hợp đồng đã ký với VHL và VOF, trong Báo cáo tài chính năm 2008, Licogi 16 đã:

- Hạch toán doanh thu 30% của phần diện tích đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 224.413.455.661 đồng. (722.332 m2 x 30% x 61USD/m2 x 16.977 đ/USD)
- Tạm trích tiếp 10% giá trị của lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất vào thu nhập khác với trị giá 74.804.485.220 đồng (722.332 m2 x 10% x 61USD/m2 x 16.977 đ/USD)
- Phân bổ một phần chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng mà Licogi 16 đã bỏ ra tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận là 128.606.743.114 đồng.
- Lợi nhuận từ dự án đã ghi nhận trong kết quả kinh doanh năm 2008 là 170.611.197.767 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp luỹ tiến từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hạch toán và kê khai Quyết toán thuế là 51.260.134.369 đồng (30% lợi nhuận)

Để không tạo nên sự chênh lệch quá nhiều trong 02 năm 2008 và 2009, Licogi 16 đã ghi nhận doanh thu và thu nhập khác năm 2008 là 17.624.901 USD (chiếm 35,1% trong khi khối lượng thực tế hoàn thành là 86,0%).

4. Phân phối lợi nhuận năm 2008

Hiệu quả tài chính năm 2008

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2008 đã điều chỉnh	Thực hiện năm 2008	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu	600,000,000,000	565,605,232,801	94.3%
2	Lợi nhuận trước thuế	120,000,000,000	184,637,464,112	153.9%
3	Lợi nhuận sau thuế	120,000,000,000	133,377,329,743	111.1%

Phân phối lợi nhuận năm 2008 được đại hội đồng cổ đông thông qua:

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)
1	**Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2008 (A)**		**133,377,329,743**
2	**Trích lập các quỹ theo điều lệ (B)**		**40,013,198,923**
	Trong đó:		
2.1	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	10%	13,337,732,974
2.2	Quỹ dự phòng tài chính (*)	10%	13,337,732,974
2.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	13,337,732,974
3	**Cổ tức bằng tiền mặt theo kế hoạch năm 2008 (C)**	**25%**	**33,458,750,000**
3.1	***Đã tạm ứng cổ tức năm 2008***		***30,112,875,000***
	Trong đó:		
	Tạm ứng Đợt 1	12.50%	16,729,375,000
	Tạm ứng Đợt 2	10%	13,383,500,000
	Tổng số lượng cổ phiếu		13,600,000
	Cổ phiếu quỹ		216,500
	Cổ phiếu đang lưu hành		**13,383,500**
3.2	***Dự kiến chi trả cổ tức đợt 3 để đạt được theo kế hoạch đề ra (*theo nội dung 4 của tờ trình****	***2.50%***	***3,345,875,000***
4	**Chia cổ tức bằng cổ phiếu *(theo nội dung 4 của tờ trình)* (D)**	**50%**	**68,000,000,000**
5	**Tổng giá trị chia cổ tức năm 2008 (C + D) = (E)**	**75%**	**101,458,750,000**
6	**Thưởng hoạt động HĐQT, BKS, Ban điều hành *(Theo nội dung 6 của tờ trình)* (F)**		**1,337,732,974**
	Lợi nhuận vượt kế hoạch	10%	1,337,732,974
7	**Lợi nhuận còn lại tích lũy của năm 2007 (G)**		**26,518,757,777**

8	**Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức năm 2008 (A+ G- B- E- F)**		**17,086,405,623**

Ghi chú:

- Con số tuyệt đối của các khoản trích trên có thể có sự thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán thuế làm ảnh hưởng đến lợi nhuận được phân phối. HĐQT sẽ báo cáo sự thay đổi này cho Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

(*) Quỹ dự phòng tài chính chỉ trích cho đến khi đủ 10% vốn điều lệ, phần còn lại sẽ chuyển vào quỹ phát triển sản xuất kinh doanh. Như vậy, quỹ dự phòng tài chính được trích năm 2008 là 6.459.299.533 đồng, số còn lại là 6.197.032.507 đồng trích vào quỹ đầu tư phát triển, **Tổng giá trị trích vào quỹ đầu tư phát triển năm 2008 là: 19.534.765.482 đồng.**

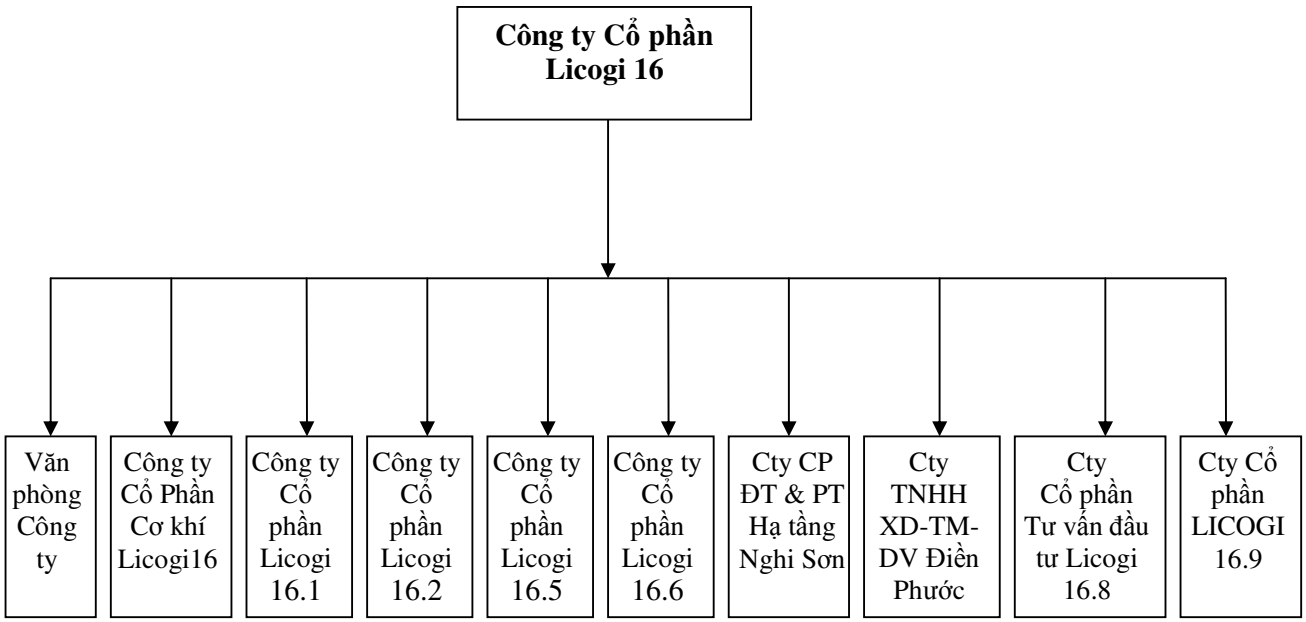
5. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2008

Tổng thù lao HĐQT và Ban kiểm soát: 1,5% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với số tiền là: 2.000.659.946 đồng (Hai tỷ, sáu trăm năm mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2008 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, báo cáo tài chính của công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần LICOGI 16 năm 2008 đã được kiểm toán được trình bày tại PHỤ LỤC của báo cáo thường niên này.

V. CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÔNG TY CON



Tổng hợp vốn điều lệ của các công ty thành viên và vốn góp của LICOGI 16: được thể hiện tại phần Báo cáo của Hội đồng quản trị.

✓ **Công ty Cổ phần Cơ khí LICOGI 16**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, đường số 2, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 061.560816 Fax: 061.560815
- Email: cokhi_nhontrach@vnn.vn
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng *(Hai mươi sáu tỷ đồng chẵn).*
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình, sản xuất, công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp. Dịch vụ sửa chữa lắp đạt máy móc, thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình.

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.1**

- Địa chỉ: Lầu 1, số 25 Đặng Thái Mai, phường 7, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.5100319 Fax: 08.5513119
- Email: cc16@hcm.vnn.vn
- Vốn điều lệ 14.121.250.000 đồng *(Mười bốn tỷ một trăm hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).*
- Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện;

các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, mua bán các loại vật liệu xây dựng;

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.2**

- Địa chỉ: A 2/2A Lê Văn Việt, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
- Email: cc16@hcm.vnn.vn
- Vốn điệu lệ: 20.000.000.000 đồng *(Hai mươi tỷ đồng chẵn).*
- Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; mua bán các loại vật liệu xây dựng.

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.5**

- Địa chỉ: Đường số 2, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch – Đồng Nai
- Điện thoại: 0613. 561248 Fax: 0613. 561246
- Website: www.licogi165.com
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng *(Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).*
- Giấp phép đăng ký kinh doanh số: 4703000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp ngày 25/04/2005, sửa đổi bổ sung lần thứ 1 ngày 05/04/2007.
- Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm, bê tông tươi); sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị chuyên dùng sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn khác).
  - Thi công Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp hạ tầng khu dân cư, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và các trạm biến thế điện, công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, đóng cọc BTCT và xử lý nền móng công trình.
  - Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật (khai thác đá, gạch lát vỉa hè, kinh doanh vật liệu xây dựng…). Mua bán vật tư máy móc ngành xây dựng.
  - Lắp đặt máy móc thiết bị và các sản phẩm cơ khí, kết cấu định hình.
  - Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu dân cư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Đầu tư kinh doanh khu thương mại, các dự án thủy điện vừa và nhỏ.

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.6**

- Địa chỉ: Ô số 3, lô 4A, khu Đền Lừ 2, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.6340983 Fax: 04.6340984
- Email: cc16@hcm.vnn.vn

- Vốn điều lệ 23.327.210.000 đồng *(Hai mươi ba tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn đồng chẵn).*
- Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; sản xuất, mua bán các loại vật liệu xây dựng; đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; gia công, chế tạo các sảm phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp; dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình; thi công các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường.

✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn**

- Địa chỉ: Khu CN luyện kim Nghi Sơn, Hải Thượng, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.
- Điện thoại: 0373.613737 Fax: 0373.613738
- Email: nidic@vnn.vn
- Vốn điều lệ 150.000.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).*
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các côngt trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.
  - Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng; cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp;
  - Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật;
  - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
  - Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị ngành cơ khí
  - Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở; đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dự án thủy điện vừa và nhỏ.
  - Đầu tư sản xuất và kinh doanh thép; mua bán máy móc vật tư ngành xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng.

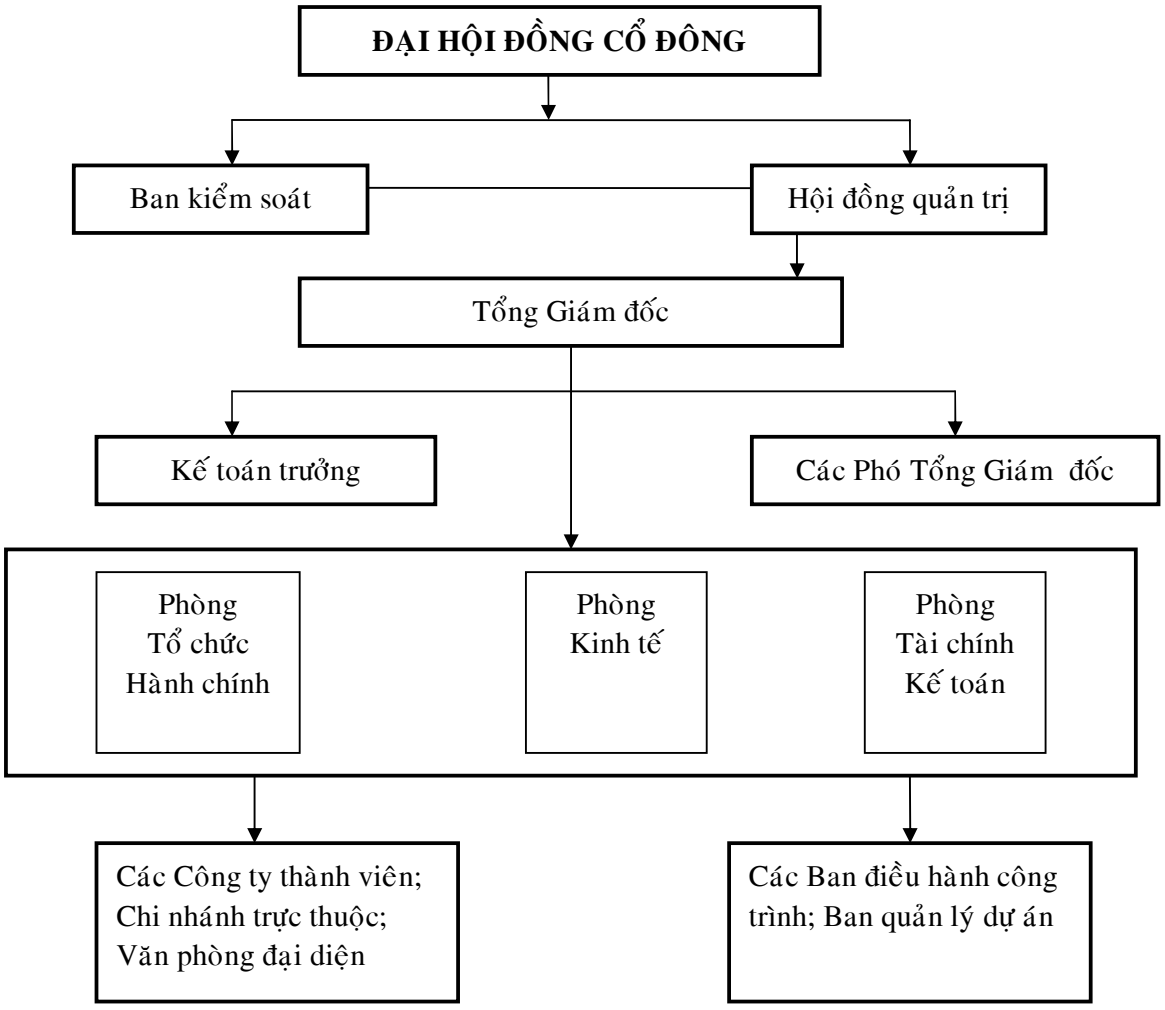
✓ **Công ty TNHH Xây dựng –Thương mại – Dịch vụ Điền Phước**

- Địa chỉ: 420/9 Huỳnh Văn Bánh, Phường 14, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.
- Điện thoại: 08.8453173
- Thành lập ngày 04/01/2008 với Vốn điều lệ 150.000.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).*
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, công trình công cộng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán nhà. Thi công cơ giới. Môi giới bất động sản. Dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Tư vấn đầu tư.

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.8**

- Địa chỉ: L16-K300 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Điện thoại/fax: 08.8119608
- Email: licogi168@viettel.vn
- Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng *(Mười tỷ đồng chẵn)*.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp;
  - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
  - Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình
  - Lập dự án đầu tư.
  - Khảo sát địa chất, địa hình xây dựng công trình
  - Tư vấn quản lý dự án.
  - Thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng. Tư vấn đấu thầu.
  - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Tư vấn xây dựng.

VI. TỔ CHỨC NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG VÀ ĐÀO TẠO



1. Công tác Tổ chức

Nhằm để phù hợp và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn hiện nay, Công ty đã tiến hành điều chỉnh chức năng nhiệm vụ mới của các phòng ban phát huy hiệu quả một cách tối ưu nhất:

- Cơ cấu lại các phòng- ban theo hướng gọn nhẹ, hiện tại chỉ có 3 phòng: Phòng Kinh tế, Phòng Kế toán, Phòng TC-HC.

- Thành lập Chi nhánh Lai châu – Công ty CP LICOGI 16.

- Thành lập Ban quản lý Bảo lộc – Tỉnh Lâm Đồng.

Bên cạnh đó, xuất phát từ việc điều chỉnh sáp nhập phòng Kỹ thuật thi công và Phòng KTKHTT, Công ty đã tiến hành điều chỉnh giảm Nhân sự của cả 2 phòng nhằm tinh gọn bộ máy lao động gián tiếp, phát huy khả năng chuyên môn của từng cán bộ để đem lại kết quả lao động cao nhất.

2. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động: 44 Lao động

Giới tính	**Trình độ**

Nam	Nữ	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung học	Bằng nghề	Phổ thông
32	12	4	24	2	4	6	4

Trong đó:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc: 4 lao động (Chưa kể 2 PTGĐ kiêm nhiệm)
- Phòng TCHC: 14 Lao động (bao gồm 10 lao động làm công tác phục vụ)
- Phòng kế toán : 5 lao động
- Phòng Kinh tế : 5 lao động
- Ban Quản lý KĐTM Nhơn trạch: 13 Lao động
- Ban quản lý Bảo lộc: 1 lao động

3. Công tác tiền lương:

- Điều chỉnh LTT theo NN từ tháng 01/2008 : Mức 620.000 đồng
- Điều chỉnh Phụ lục 1 của Qui chế TL lên 20% ở tất cả các vị trí.

Tổng quĩ lương thực nhận năm 2008**: 4.234.364.272 đồng**

Để điều chỉnh một cách cơ bản tiền lương, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty nói chung và là động lực quan trọng cho sự phấn đấu làm việc của CBCNV nói riêng, cuối năm 2008 Công ty đã mời Tổ chức Navigos (Đơn vị đứng đầu trong lĩnh vực Tư vấn về Nhân sự - Tiền lương,) đến đánh giá và tư vấn cho Công ty trong việc Xây dựng hệ thống lương theo xu hướng chung của Thị trường.

4. Công tác Đào tạo

Trong năm 2008, Công ty đã tổ chức đào tạo cho các CB chủ chốt của tất cả các Phòng ban Công ty tại Trường Doanh nhân PACE đối với các chuyên đề quản lý cấp trung và cao cấp chuyên nghiệp.

Ngoài ra cũng tổ chức thường cử CBCNV tham dự thường xuyên các lớp nâng cao nghiệp vụ như : nghiệp vụ KT, thuế, lao động tiền lương, an toàn lao động, quản trị mạng….

Kinh phí đào tạo năm 2008: **128.000.000 đồng**

5. Công tác Tuyển dụng

Công ty đã liên tục phối hợp với các nhà tuyển dụng lớn và uy tín nhất trên thị trường lao động qua mạng Internet như**: Vietnamwork. Com , Kiếm việc.com, HR.com, ….và các báo như Tuổi trẻ, lao động**… để tuyển lao động ở mọi trình độ đề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của Công ty cũng như hỗ trợ công tác tuyển dụng cho các Công ty thành viên.

6. Kế hoạch 2009

- Tiếp tục điều chỉnh, sắp xếp lại các phòng ban và lao động tại văn phòng Công ty nhằm hướng đến bộ máy gọn nhẹ, CBNV có thể cùng lúc đảm đương được nhiều công ty, chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hơn nữa trong cách điều hành và thực thi nhiệm vụ.
- Áp dụng hệ thống lương do Navigos tư vấn xây dựng để tạo thế cạnh tranh trong thị trường lao động và là động lực phát triển, khuyến khích lao động tại Công ty.
- Tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn, năng lực và kỹ năng cao để sắp sếp, bố trí vào các vị trị, phòng ban phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ở mọi trình độ nhằm tạo cơ hội cho toàn thể CBCNV đều có điều kiện tham gia vào chương trình đào tạo của Công ty.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thuận lợi và thân thiện để nâng cao hiệu quả làm việc, tin tưởng và gắn bố của CBCNV.

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

* Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 17/2/2009

Bảng: *Cơ cấu vốn điều lệ thời điểm 17/2/2009 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)*

	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
A. Cổ đông Nhà nước	**1**	**1.584.000**	**11.65**
B. Cổ đông trong Công ty	**82**	**1.887.851**	**13,88**
- Cổ đông hội đồng quản trị (trong đó có 3 thành viên Ban Tổng giám đốc)	06	875.785	6,44
- Ban Tổng Giám đốc	01	10.000	0,073
- Ban Kiểm soát	01	11.167	0,082
- Kế toán trưởng	01	3.848	0,028
- Cổ phiếu quỹ	01	216.500	1,59
- Cán bộ CNV	72	770.551	5,66
C. Cổ đông ngoài Công ty	**242**	**10.128.149**	**74,47**
- Cổ đông trong nước	**215**	**6.196.108**	**45,56**
+ Cá nhân	200	2.829.314	20,80
+ Tổ chức	15	3.366.794	24,76
- Cổ đông nước ngoài	**27**	**3.932.041**	**28,91**
+ Cá nhân	16	512.347	3,77
+ Tổ chức	11	3.419.694	25,14
Tổng cộng (A+B+C)	**325**	**13.600.000**	**100**

*** Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ**

Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 17/02/2009 như sau:

Bảng: *Danh sách cổ đông sáng lập*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	Nhà G1 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc, Q.Đống Đa, Hà Nội	1.584.000	11,65
2	Bùi Dương Hùng	Tổ 18B Phường Mai Động, Q.Hoàn	610.000	4,49

		Kiếm, Hà Nội		
3	Tổng Công ty Tài Chính cổ phần Dầu khí Việt Nam.	72 Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.160.294	8,53
4	Vũ Công Hưng	07 Hoa Lài, P.7, Q.Phú Nhuận, TpHCM	107.250	0.79
5	Lê Văn Nga	11C Cư Xá 307 Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, TpHCM	30.148	0,22
	Tổng Cộng		**3.491.692**	25,67

* Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 17/02/2009 như sau:

Bảng : *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số lượng (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI)	G1 đường Nguyễn Tri, Thanh Xun Bắc, Đống Đa, Hà Nội	0106000699	1.584.000	11,65
2	VOF INVESTMENT LIMITED	Lầu 17, phòng 1703 tòa nhà Sun Wah Tower, số 115 Nguyễn Huệ, quận 1, Tp. HCM	065720	1.302.000	9,58
3	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	72 Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội		1.160.294	8,53
4	VIETNAM INVESTMENT LIMITED	Lầu 17, phòng 1703 tòa nhà Sun Wah Tower, số 115 Nguyễn Huệ, quận 1, Tp. HCM	566392	728.200	5,35
	Công ty TNHH MTV chứng khoán ngân hàng Sài Gòn Thương Tín				5,35
	Tổng cộng			**4.774.494**	**35,11%**

Hội đồng quản trị , Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Ông **Bùi Dương Hùng** – Chủ tịch HĐQT.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/09/1958

Số CMND: 011536707, cấp ngày 20/3/1998 tại CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 18B, Phường Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị

Quá trình công tác:

- 08/1978 – 10/1978: Bộ đội thuộc E191, E122 – Bộ chỉ huy quân sự Hà Tuyên; Cấp bậc binh nhất;
- 11/1978 – 05/1982: Bộ đội – Giáo viên dạy toán Trường Văn hóa quân khu 2; Cấp bậc Trung sỹ;
- 06/1982 – 09/1985: Sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; Chức vụ Lớp phó học tập;
- 10/1985 – 09/1997: Công tác tại Xí nghiệp Xây dựng số 1, Xí nghiệp Xây lắp Hà Nội, Công ty Lắp máy và Xây dựng thuộc LILAMA; Giữ chức vụ: Đội trưởng, Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật;
- 10/1997 – 03/2001: Công tác tại Công ty Lắp máy Điện nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI); Giữ chức vụ: Phó Giám đốc Công ty;
- 04/2001 – 01/2006 : Giám Đốc Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng (LICOGI)
- 02/2006 – 06/2007: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- 07/2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Licogi 16.

Là dại diện phần vốn Nhà nước - Tổng Công ty xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI 16): 1.584.000 cổ phần, chiến 11,65% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ: 610.000 cổ phần, chiếm 4,49 % vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không có

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

2. Ông **Lê Văn Nga** – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/10/1952

Số CMND: 024448199 cấp ngày 25/01/2005 tại Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 11C Cư xá 307 P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi

Quá trình công tác:

- Từ 12/1974 – 09/1986: Kỹ sư, Trưởng phòng Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 1 thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Xây dựng Thủy Lợi, Bộ Thủy Lợi;
- Từ 10/1986 – 06/1987: Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 1 – Liên hiệp Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 4;
- Từ 07/1987 – 10/1996: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy Lợi 41 thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 4;
- Từ 11/1996 – 06/1997: Phó Giám đốc Trung tâm Giám định Chất lượng Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 4;
- Từ 07/1997 đến 09/1997: Kỹ sư Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- Từ 10/1997 – 03/2001: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, khu vực phía Nam tại TpHCM;
- Từ 04/2001 đến 01/2006: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- Từ 02/2006 đến 6/2007: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16;
- Từ 06/2007 đến nay: Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16;

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.

Số cổ phần nắm giữ: 30.148 cổ phần, chiếm 0,22% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

3. Ông **Vũ Công Hưng** – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1973

Số CMND: 012235601 cấp ngày 19/5/1999 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 3 ngách 178/5 tây sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng ; C.E.O

Quá trình công tác:

- 06/1995 đến 08/1997: Kỹ sư xây dựng, chuyên viên, phó phòng thiết kế Công ty điện tử công nghệ (ETC), Hà Nội;
- 09/1997 – 04/2001: Kỹ sư Xây dựng, chuyên viên phòng KT-KH Công ty Lắp máy điện nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, Hà Nội;
- 05/2001 – 12/2003: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- 01/2004 – 01/2006: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Vật tư Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- 02/2006 – 05/2006: Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch – Thị trường Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- 06/2006 – 10/2006: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- 11/2006 – 04/2007: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội;
- 05/2007 – 11/2007: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6;
- 11/2007 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Chi nhánh Lai Châu, Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.

Số cổ phần nắm giữ: 107.250 cổ phần, chiếm 0,788 % vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không.

4. Ông **Nguyễn Duy Bảo** – Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/01/1970

Số CMND: 011768306 cấp ngày 18/3/1992 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: DB37 Bàu Cát, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 1996: Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại Thương TpHCM, đại lý tàu Happag - Hayd
- Từ 1998 – 2000: Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Bảo Huy;
- Từ 2002 – 2006: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TpHCM, phòng thông tin thị trường phụ trách Bản tin TTCK;
- Từ 09/2006 đến nay: Công ty Tài chính Dầu khí chi nhánh TpHCM;

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 16,

Số cổ phần của cá nhân hiện đang nắm giữ: 1.500 cổ phần, chiếm 0,01% vốn Điều lệ.

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

5. Ông **Hoàng Minh Khai** – Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/03/1962

Số CMND: 024533713 cấp ngày 15/8/2006 tại Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 503 Huỳnh Tấn Phát, P.Tân Thuận Đông, Q.7, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu đường

Quá trình công tác:

- 02/1983 – 10/1986: Bộ đội D10E108, F337 Lạng Sơn;
- 11/1986 – 01/1987: Học sinh trường Công Nhân Cơ giới 2, Hải Dương;
- 02/1978 – 05/1988: Cán bộ phòng Tổ chức Hành chánh – XN Cơ giới số 9, Đồng Nai;
- 06/1988 – 01/1989: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Cơ giới 17, Hải Hưng;
- 02/1989 – 12/1990: Đi hợp tác lao động tại I Rắc;
- 01/1991 – 06/1998: Cán bộ Phòng Tổ chức, Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9;
- 06/1998 – 06/2001: Cán bộ Kỹ thuật Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9;
- 06/2001 – 02/2002: Phó phòng Tổ chức Công ty Xây dựng số 16;
- 03/2002 – 07/2003: Trưởng phòng Tổ chức hành chánh Công ty Xây dựng số 16;
- 08/2003 – 01/2006 : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Xây dựng số 16, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch;
- 02/2006 – 01/2007: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch;

- 02/2007 – 03/2007: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch;
- 04/2007 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, P. Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch.

Số cổ phần nắm giữ: 121.887 cổ phần, chiếm 0,90% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: Bà Phạm Thị Hải Thương (Vợ), số cổ phần hiện đang sở hữu: 4.669 cổ phần, chiếm 0,03% vốn Điều lệ.

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

6. Bà Đặng Phạm Minh Loan Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 18/03/1977

Số CMND: 024326432 cấp ngày: 11/08/2006 tại: CA TP. HCM

Địa chỉ thường trú: số 6 Phạm Ngũ Lão, P.3, Q. Gò Vấp, Tp. HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học, ACCA- UK, CPA Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Từ năm 1999 đến năm 2000: Kế toán quản trị, kế toán quản trị tại Uniliver
- Từ năm 2000 đến năm 2005: Kiểm toán viên, Phó trưởng phòng kiểm toán KPMG
- Từ năm 2005 đến nay: Giám đốc đầu tư Công ty VinaCapital Corporate Finance Việt Nam

Ban Kiểm soát

- Ông **Trần Đình Tuấn -** Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/08/1958

Số CMND: 012355339 cấp ngày 16/6/2000 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 25, D6, P.Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 8/1979 – 10/1980: Giáo viên trường Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây Dựng;
- Từ 11/1980 – 6/1981: Phó phòng Tài vụ XNXD 104, Công ty Xây dựng số 18, Bộ Xây dựng;
- 07/1981 – 09/1985: Trưởng Phòng Tài vụ XNXD 101 – Công ty Xây dựng số 18 - Bộ Xây dựng;
- Từ 10/1985 – 6/1988: Học tại trường Đại học Tài chính Kế toán Hà nội;
- Từ 7/1988 – 8/1990: Trưởng phòng Tài vụ XN Cung ứng vận tải, Công ty Xây dựng số 18, Bộ Xây dựng;
- Từ 8/1990 – 3/1996: Trưởng phòng Tài vụ XN Lắp máy điện nước, Công ty Xây dựng số 18, Bộ Xây dựng;
- Từ 3/1996 – 10/2005: Kế toán trưởng Công ty Lắp máy điện nước, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI);
- Từ 10/2005 – 11/2006: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 - LICOGI;
- Từ 12/2006 – 4/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Licogi 16.
- Từ 05/2007 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần LICOGI 16, Phó Giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 16.6.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Licgi 16, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

- Ông **Phạm Xuân Diện -** Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 29/01/1980

Số CMND: 221005686 cấp ngày 10/1/1996 tại Phú Yên

Địa chỉ thường trú: Khóm 6, Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 09/2002 – 07/2003: Cử nhân kinh tế, Nhân viên phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 08/2003 – 09/2005: Nhân viên Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch thuộc Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 10/2005 – 01/2006: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch thuộc Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 02/2006 – 3/2007: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch thuộc Công ty Cổ phần Licogi 16;
- Từ 3/2007 đến nay: Trưởng Phòng Đầu tư và Quan hệ Công chúng, Uỷ viên Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Phòng Kinh tế, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Số cổ phần nắm giữ: 11.167 cổ phần, chiếm 0,082% vốn Điều lệ

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

- Bà **Phạm Thị Minh Hiền -** Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 14/08/1974

Số CMND: 011706136, cấp ngày 16/09/1999 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 232/12 Quốc lộ 13, Q.Bình Thạnh, TpHCM.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Sau Đại học

Quá trình công tác:

- Từ 1996 – 1998: Công ty Liên doanh Wisma – OSC Việt Nam, kế toán trưởng;
- Từ 1999 – 2004: Công ty TNHH Việt Bình, Phó Giám đốc

- Từ 2005 – đến nay: Công ty Tài chính Dầu khí, phụ trách Tổ Đầu tư chứng từ có giá
- Chức vụ công tác hiện nay: Phụ trách tổ Đầu tư chứng từ có giá

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0%vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Thành viên Ban Giám đốc

1. Ông **Lê Văn Nga** – Tổng Giám đốc

   (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

2. Ông **Vũ Công Hưng** – Phó Tổng Giám đốc

   (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

3. Ông **Hoàng Minh Khai** – Phó Tổng Giám đốc

   (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

4. Ông **Đoàn Thuận Chí** – Phó Tổng Giám đốc

   Giới tính: Nam

   Ngày sinh: 11/08/1957

   Số CMND: 024069952 cấp ngày 5/8/2003 tại Tp.HCM

   Địa chỉ thường trú: 121 Thống Nhất, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

   Quốc tịch: Việt Nam

   Dân tộc: Kinh

   Trình độ văn hóa: 10/10

   Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

   Quá trình công tác:

   - Từ 06/1983 – 07/1988: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình Sở thể dục thể thao Thuận Hải;
   - Từ 08/1988 – 09/1991: Học viên trường Đại học kiến trúc TpHCM;
   - Từ 10/1991 – 08/1992: Kỹ sư Sở thể dục thể thao Thuận Hải;
   - Từ 09/1992 – 12/1996: Kỹ sư công trình xây dựng Miền Đông Đồng Nai;
   - Từ 01/1997 – 06/2001: Kỹ sư Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9;
   - Từ 07/2001 – 01/2006: Phó giám đốc Công ty Xây dựng số 16;

- Từ 02/2006 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16,

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16

Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần, 0.074% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

5. Ông **Bùi Đông Hoàn** – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/06/1975

Số CMND: 023095815 cấp ngày 13/4/2001 tại Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 25/216B Nguyễn Văn Lượng, phường 17, Gò Vấp, Tp.HCM.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ xây dựng ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1999-2000: Kỹ sư giám sát tại Công ty X59 (thuộc Bộ Quốc Phòng).
- Từ 2001-2003: Chỉ huy trưởng tại Công ty CALOFIC.
- Từ 2004-tháng 2007: Trưởng phòng Kỹ thuật thi công Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- Từ tháng 01/2008-nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kinh tế - Kỹ Thuật Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

6. Ông **Hoàng Chí Phúc**– Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/07/1972

Số CMND: 022785039

Địa chỉ thường trú: 122/19/12 Tôn Đản, Phường 10, Quận 4, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1997: Kế toán tổng hợp tại Cty TNHH Đại Phát, Quận 5, TPHCM;
- Từ 1997-2000: Kế toán tổng hợp tại DNTN Thái Tiến Phát, Quận 6, TPHCM;
- Từ 2000-2001: Phụ trách kế toán Chi nhánh Tổng Cty Xây dựng & Phát triển hạ tầng (LICOGI) tại TP.Hồ Chí Minh;
- Từ 2001-2006: Phó phòng kế toán Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 2006 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Licogi 16

Số cổ phần nắm giữ: 3.848 cổ phần, 0,028% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Đính kèm phụ lục:

- *Báo cáo tài chính năm 2008 của công ty mẹ.*
- *Báo cáo tài chính năm 2008 của công ty con.*
- *Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.*
- *Kế hoạch lợi nhuận của các dự án trọng điểm của Công ty từ năm 2009 đến năm 2015*



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI16 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CỦA CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

Stt	Tên dự án	Năm							Tổng
		2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I. Dự án tại Nhơn Trạch- Đồng Nai									
1	Dự án Khu dân cư Long Tân-50ha	15,000,000	85,000,000	74,000,000		-	-	-	**174,000,000**
2	Dự án Khu dân cư Long Tân-27ha	-	30,690,000	34,000,000	50,000,000	50,000,000	-	-	**164,690,000**
3	Dự án Khu dân cư Long Tân- Phú Hội-83ha	170,000,000	-	-	-	-	-	-	**170,000,000**
4	Dự án Khu dân cư Long Tân- 50ha- Công ty TNHH TM-DV-XD Điền Phước		10,000,000	18,000,000	40,000,000	45,000,000	45,000,000	42,000,000	**200,000,000**
II	**Dự án tại Hà Nội**								
1	Dự án D25* Nguyễn Phong Sắc- Cầu Giấy- Hà Nội				30,000,000	35,000,000	50,000,000	95,000,000	210,000,000
2	Chung cư CT7- Thịnh Liệt- Hà Nội						30,000,000	20,000,000	50,000,000
III	**Dự án Khu dân cư 20ha- Bảo Lộc- Lâm Đồng**				**25,000,000**	**20,000,000**	**5,000,000**	**2,000,000**	**52,000,000**
IV	**Dự án Thủy điện Bản Chát**	**10,000,000**	**56,000,000**	**20,000,000**					**86,000,000**
V	**Lợi nhuận mang lại từ khấu hao thiết bị Bản Chát**				**25,000,000**	**30,000,000**	**25,000,000**	**40,000,000**	**120,000,000**
VI	**Dự án Khu công nghiệp luyện kim Nghi Sơn**			**40,000,000**	**35,000,000**	**25,000,000**	**60,000,000**	**-**	**160,000,000**
VII	**Thu từ cổ tức các đơn vị thành viên**	**14,500,000**	**15,000,000**	**15,000,000**	**18,000,000**	**18,000,000**	**18,000,000**	**18,000,000**	**116,500,000**
									-
	Tổng lợi nhuận trước thuế	**209,500,000**	**196,690,000**	**201,000,000**	**223,000,000**	**223,000,000**	**233,000,000**	**217,000,000**	**1,503,190,000**

Tp. HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Lê Văn Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo Kiểm toán	6 - 7
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 21 tháng 03 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông./.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 49B Phan Đăng Lưu - Phường 7 - Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 136.000.000.000 đồng

Công ty con và Công ty liên kết

Tên công ty	Mối quan hệ	Vốn điều lệ	Vốn góp đến 31/12/2008	Tỷ lệ góp
Công ty TNHH Điền Phước	Công ty con	150.000.000.000	30.805.000.000	95%
Công ty CP Licogi 16.1	Công ty liên kết	15.000.000.000	6.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.2	Công ty liên kết	20.000.000.000	8.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.5	Công ty liên kết	24.800.000.000	12.250.000.000	49%
Công ty CP Licogi 16.6	Công ty liên kết	25.000.000.000	10.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.8	Công ty liên kết	10.000.000.000	800.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.9	Công ty liên kết	36.000.000.000	17.000.000.000	47%
Công ty CP Cơ khí Licogi	Công ty liên kết	24.000.000.000	12.000.000.000	50%
Công ty Nghi Sơn	Công ty liên kết	100.000.000.000	42.000.000.000	40%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của riêng Công ty trong năm tài chính 2008 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 27 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông Don Di Lam	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Lê Văn Nga	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thuận Chí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Công Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Chí Phúc	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
Ông Phạm Xuân Diện	Thành viên
Bà Phạm Thị Minh Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho công ty.

CÁC SỰ KIỆN LỚN PHÁT SINH TRONG NĂM

Năm 2008, Công ty Cổ phần Licogi 16 là chủ đầu tư thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng của khu đất 839.900 m2 tại hai xã Long Tân và Phú Hội thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với mục đích xây dựng nhà chung cư, nhà liên kế, nhà biệt thự, giao thông công cộng và đất thương mại.

Cùng với việc tiến hành giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng của khu đất, Công ty đã ký Hợp đồng Liên doanh với Vinaland Heritage Limited (VOF) và Vinaland Eastern Limited (VHL) để hình thành Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội với chức năng thực hiện nốt các phần việc còn lại của dự án. Hợp đồng này quy định:

- Hình thức góp vốn của Licogi 16 là một phần của giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá thoả thuận. Phần giá trị còn lại của khu đất sẽ được Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội trả lại cho Licogi 16.

- Tiến độ góp vốn và nhận lại giá trị chênh lệch của Licogi 16:

+ Đợt 1: Sau khi Licogi 16 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2.

+ Đợt 2: Sau khi Licogi 16 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 117.568 m2.

Thực tế: Đến hết 31/12/2008, Licogi 16 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2 theo Quyết định số 4510/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ theo quy định tại tiết 1.1 mục 1 khoản II phần G của Thông tư 130/2008/TT – BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12

Căn cứ theo điểm a mục 1.3 và mục 1.4 thuộc phần IX Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán số 15 "Hợp đồng xây dựng"

Ban Giám đốc Licogi 16 đã ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2008:

- Doanh thu và thu nhập khác 299.217.940.881 đồng tương đương 17.624.901 USD (chiếm 35,1% giá trị có được của khu đất)

- Phân bổ một phần chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng mà Licogi 16 đã bỏ ra tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận là 128.606.743.114 đồng.

- Lợi nhuận từ dự án đã ghi nhận trong kết quả kinh doanh năm 2008 là 170.611.197.767 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp luỹ tiến từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hạch toán và kê khai Quyết toán thuế là 51.260.134.369 đồng.

Lợi nhuận năm 2008 có được do ảnh hưởng đáng kể từ lợi nhuận của dự án trên. Ban Giám đốc Licogi 16 cho rằng đây là sự kiện lớn phát sinh trong năm.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hàng năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết cung cấp các thông tin trung thực cho các nhà đầu tư và giải trình cụ thể theo yêu cầu của Uỷ ban chứng khoán nhà nước hoặc Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về các vấn đề liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác được nêu tại mục CÁC SỰ KIỆN LỚN PHÁT SINH TRONG NĂM.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 16 phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm2009.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm2009.

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Lê Văn Nga

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASNAF VIỆT NAM
ASNAF VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED
Địa chỉ: P.903 - CT 4 Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội
Điện Thoại: (04)7670720 - 7855 361 * Fax: (04)7670721
Email: info@asnafvietnam.com * Web: www.asnafvietnam.com

Số : 69 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính riêng năm 2008 của Công ty Cổ phần Licogi 16

***Kính gửi*: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Licogi 16 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 08 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty Licogi 16 bị ảnh hưởng bởi "Các sự kiện lớn phát sinh trong năm" thuộc Báo cáo của Ban Giám đốc khi Công ty đã ghi nhận doanh thu, giá vốn theo quy định tại điểm a mục 1.3 và mục 1.4 thuộc phần IX Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán số 15 "Hợp đồng xây dựng" và theo quy định

tại tiết 1.1 mục 1 khoản II phần G của Thông tư 130/2008/TT – BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Ngọc Khuê	**Tạ Huy Đăng**
Chứng chỉ KTV số: 0665/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0566/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**756.965.091.263**	**305.507.006.312**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**16.211.746.734**	**94.360.039.373**
1. Tiền	111	V.01	16.211.746.734	94.360.039.373
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**503.920.800**	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		503.920.800	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**436.390.102.564**	**142.089.473.771**
1. Phải thu của khách hàng	131		66.888.396.785	42.874.865.962
2. Trả trước cho người bán	132		16.934.325.171	38.399.660.152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	352.756.354.439	61.003.921.488
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(188.973.831)	(188.973.831)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**283.091.501.848**	**63.368.008.736**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	283.091.501.848	63.368.008.736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**20.767.819.317**	**5.689.484.432**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.392.385.584	702.302.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	507.396.101
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.375.433.733	4.479.785.695
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**357.816.990.283**	**110.212.362.240**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			**3.707.054.189**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			3.707.054.189
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**198.577.173.748**	**48.927.616.607**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.05**	15.247.247.901	26.346.018.625
- Nguyên giá	*222*		*18.904.531.081*	*34.960.442.943*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(3.657.283.180)*	*(8.614.424.318)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	**V.06**	4.488.750.500	
- Nguyên giá	*225*		*4.488.750.500*	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*			
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.07**	981.444.444	988.111.112
- Nguyên giá	*228*		*992.000.000*	*992.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		*(10.555.556)*	*(3.888.888)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	**V.08**	177.859.730.903	21.593.486.870
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.09**	**154.055.000.000**	**56.976.551.284**
1. Đầu tư vào công ty con	251		46.005.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		108.050.000.000	56.976.551.284
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.184.816.535**	**601.140.160**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.10**	634.053.037	601.140.160
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.550.763.498	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.114.782.081.546**	**415.719.368.552**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**609.243.845.258**	**228.156.545.237**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**490.595.517.106**	**228.066.657.229**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	**V.11**	204.791.000.000	103.910.549.918
2. Phải trả người bán	312		42.443.323.542	19.548.404.799
3. Người mua trả tiền trước	313		6.429.767.373	1.604.269.524
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	**V.12**	68.648.044.472	21.481.480.709
5. Phải trả công nhân viên	315		1.139.144.546	464.624.536
6. Chi phí phải trả	316	**V.13**	125.727.165.301	(2.816.309.523)
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	**V.14**	41.417.071.872	83.873.637.266
II. Nợ dài hạn	**330**		**118.648.328.152**	**89.888.008**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		3.000.000	3.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	**V.15**	118.619.574.716	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		25.753.436	86.888.008
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**505.538.236.288**	**187.562.823.315**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**489.734.446.244**	**184.108.669.557**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		136.000.000.000	56.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		227.799.104.885	65.834.506.776
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(6.724.000.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.478.433.441	7.140.700.467
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.600.000.000	7.140.700.467
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		98.580.907.918	47.492.761.847
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**15.803.790.044**	**3.454.153.758**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		15.803.790.044	3.454.153.758
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.114.782.081.546**	**415.719.368.552**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**00**	**V.17**	**444.593.853.451**	**297.262.339.168**
2. Các khoản giảm trừ	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**V.18**	**444.593.853.451**	**297.262.339.168**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**V.19**	**318.003.881.001**	**219.968.386.162**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**126.589.972.450**	**77.293.953.006**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**V.20**	**39.268.798.579**	**671.434.101**
7. Chi phí tài chính	22	**V.21**	**16.672.163.637**	**10.704.477.906**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.613.587.592	10.314.915.351
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**14.105.751.665**	**7.813.821.615**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**135.080.855.727**	**59.447.087.586**
11. Thu nhập khác	31		**81.743.180.771**	**9.226.018.668**
12. Chi phí khác	32		**32.186.572.386**	**221.880.857**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**49.556.608.385**	**9.004.137.811**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**184.637.464.112**	**68.451.225.397**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**V.22**	**51.260.134.369**	**-**
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		**-**	**-**
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**133.377.329.743**	**68.451.225.397**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**11.405**	**12.115**

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	133.321.733.929	164.107.907.216
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(417.960.843.792)	(301.378.903.351)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.565.672.280)	(6.373.321.522)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.460.526.282)	(8.151.769.492)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(340.199.267)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.207.247.023	180.942.696.172
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.990.547.698)	(2.846.198.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	***(304.448.609.100)***	***25.960.211.474***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(158.832.780.711)	(21.438.864.770)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.743.033.643)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.160.043.534
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(68.381.019.000)	(8.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.302.570.284	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.010.332.556	584.816.610
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(188.900.896.871)***	***(32.437.038.269)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	241.464.598.109	102.955.783.280
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(141.981.818)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	269.751.187.386	118.298.357.536
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.251.162.588)	(121.050.308.088)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.257.207.131)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.731.856.921)	(4.069.401.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	***415.232.765.986***	***93.735.242.079***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	***(78.116.739.985)***	**87.258.415.284**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**94.360.039.373**	**6.914.401.287**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(31.552.654)	187.222.802
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**16.211.746.734**	**94.360.039.373**

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại 49B Phan Đăng Lưu – Phường 7 – Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thi công các công trình xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 21 tháng 03 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông./.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-24 năm
- Máy móc, thiết bị	08-15 năm
- Phương tiện vận tải	08-10 năm
- Thiết bị văn phòng	05-08 năm
- TSCD vô hình	14-20 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa trong năm là 71,87%

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quĩ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán hoàn thành công trình.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Năm 2008 là năm thứ hai Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần nên được miễn thuế TNDN.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 . TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	723.219.650	3.208.228.522
Tiền gửi ngân hàng	15.488.527.084	91.151.810.851
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	**16.211.746.734**	**94.360.039.373**

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	503.920.800	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	**503.920.800**	**-**

Số dư đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá trị của 27.387 cổ phiếu STB được trả cổ tức theo giá đóng cửa tại 31/12/2008

3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động		
Phải thu khác	352.756.354.439	61.003.921.488
Chuyển nhượng dự án Long Tân 83 ha	*310.607.940.881*	
Phải thu khác	*42.148.413.558*	*61.003.921.488*
Cộng	**352.756.354.439**	**61.003.921.488**

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	10.275.166.352	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	271.031.327.186	59.750.995.939
Thành phẩm	-	3.617.012.797
Hàng hóa bất động sản	1.785.008.310	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	**283.091.501.848**	**63.368.008.736**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	283.091.501.848	63.368.008.736

5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem phụ lục số 01

6 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ					-
Số tăng trong kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
- Thuê tài chính trong năm		4.488.750.500			*4.488.750.500*
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ					
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ			-		-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-		-
Tại ngày cuối kỳ	-	4.488.750.500	-		4.488.750.500

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	**Cộng**
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	**972.000.000**		**20.000.000**		**992.000.000**
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong năm					-
Số giảm trong kỳ				-	-
Số dư cuối kỳ	**972.000.000**	-	**20.000.000**	-	**992.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ			**3.888.888**		**3.888.888**
Số tăng trong kỳ	-	-	6.666.668	-	6.666.668
- Khấu hao trong kỳ			*6.666.668*		*6.666.668*
Giảm trong kỳ				-	
Số cuối kỳ	-	-	10.555.556	-	10.555.556
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	**972.000.000**	-	**16.111.112**	-	**988.111.112**
Tại ngày cuối kỳ	**972.000.000**	-	**9.444.444**	-	**981.444.444**

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	177.859.730.903	21.593.486.870
Nhà 24A Phan Đăng Lưu	*30.797.833.147*	*21.275.912.452*
Trường C Đ nghề KHUD Licogi	*5.244.067.474*	
DA Khu đô thị mới Quận Cầu Giấy - Hà Nội	*13.033.000*	
Hệ thống Bê tông đầm lăn	*141.655.307.282*	
Tài sản khác chưa quyết toán	*149.490.000*	*317.574.418*
Cộng	**177.859.730.903**	**21.593.486.870**

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	46.005.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	108.050.000.000	56.976.551.284
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		
Cộng	**154.055.000.000**	**56.976.551.284**

Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết quan trọng

Tên công ty	Các thông tin liên quan	Vốn điều lệ	Vốn góp đến 31/12/2008	Tỷ lệ góp
Công ty TNHH Điền Phước	Công ty con	150.000.000.000	30.805.000.000	95%
Công ty CP Licogi 16.1	Công ty liên kết	15.000.000.000	6.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.2	Công ty liên kết	20.000.000.000	8.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.5	Công ty liên kết	24.850.060.000	12.250.000.000	49,3%
Công ty CP Licogi 16.6	Công ty liên kết	25.000.000.000	10.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.8	Công ty liên kết	10.000.000.000	800.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.9	Công ty liên kết	36.000.000.000	17.000.000.000	47,2%
Công ty CP Cơ khí Licogi	Công ty liên kết	24.278.500.000	12.000.000.000	49,43%
Công ty Nghi Sơn	Công ty liên kết	100.000.000.000	42.000.000.000	45%

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	634.053.037	601.140.160
Cộng	**634.053.037**	**601.140.160**

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	203.724.000.000	103.910.549.918
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn - Hà Nội (SHB)		*3.873.390.000*
- Công ty cổ phần tài chính dầu khí - CN TP Hồ Chí Minh		*35.581.159.918*
- Quỹ ONSHINE INVESTMENTS	*203.724.000.000*	*64.456.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.067.000.000	-
Cộng	**204.791.000.000**	**103.910.549.918**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị giá tăng	16.202.012.349	20.660.582.647
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.939.723.800	679.589.431
Thuế thu nhập cá nhân	501.808.323	136.808.631
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Các loại thuế khác	4.500.000	4.500.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	**68.648.044.472**	**21.481.480.709**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	153.061.310	
Chi phí dự án Long Tân	123.893.958.136	136.363.636
Chi phí thầu phụ	773.925.608	4.470.424.147
Thù lao HĐQT năm 2008	822.000.000	
Chi phí phải trả khác	84.220.247	
Doanh thu các công trình tạm trích chưa xuất hóa đơn		(7.423.097.306)
Cộng	**125.727.165.301**	**(2.816.309.523)**

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	169.959.991	228.822.289
Bảo hiểm xã hội	18.903.078	3.300.398
Bảo hiểm y tế	-	3.217.681
Doanh thu chưa thực hiện	-	252.121.213
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.228.208.803	83.386.175.685
Cộng	**41.417.071.872**	**83.873.637.266**

15 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	**115.593.373.416**	-
Vay ngân hàng	115.593.373.416	-
Vay ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	45.960.883.416	
Vay ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	69.632.490.000	
Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	**3.026.201.300**	-
Thuê tài chính	3.026.201.300	-
Cộng	**118.619.574.716**	-

Các khoản vay dài hạn chưa có các phụ lục hợp đồng đính kèm quy định lịch trả nợ gốc và lãi vay do vậy không kết chuyển nợ phải trả trong năm 2009

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục số 02

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	15.840.000.000	7.920.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	120.160.000.000	48.580.000.000
Cộng	**136.000.000.000**	**56.500.000.000**

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	25.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	79.500.000.000	31.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	136.000.000.000	56.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

16.4. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	5.650.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và đã góp đủ	13.600.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa góp đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.383.500	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.383.500	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	133.377.329.743	68.451.225.397
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.694.849	5.650.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.405	12.115

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	5.770.671.360	
Doanh thu từ hoạt động đầu tư các khu đô thị	283.361.068.388	
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	155.462.113.703	297.262.339.168
Cộng	**444.593.853.451**	**297.262.339.168**

18 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	5.770.671.360	-
Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư các khu đô thị	283.361.068.388	
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	155.462.113.703	297.262.339.168
Cộng	**444.593.853.451**	**297.262.339.168**

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.614.175.998	
Giá vốn của hoạt động đầu tư các khu đô thị	155.440.047.688	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	156.949.657.315	219.968.386.162
Cộng	**318.003.881.001**	**219.968.386.162**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.174.665.440	671.434.101
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.835.667.116	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	744.903.873	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.479.206	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.464.082.944	
Cộng	**39.268.798.579**	**671.434.101**

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.613.587.592	10.314.915.351
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.451.261.241	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.217.314.804	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.390.000.000	
Chi phí tài chính khác		389.562.555
Cộng	**16.672.163.637**	**10.704.477.906**

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	51.260.134.369	-
Cộng	**51.260.134.369**	-

Năm 2008 là năm thứ hai Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần nên được miễn thuế TNDN. Tại 31/12/2008, thuế TNDN được miễn năm 2007 với tổng giá trị là 19.127.497.361 đồng vẫn được tạm theo dõi trên Mục Lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán. Thuế TNDN phải nộp là thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất trong năm 2008

23 . CHỊ PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.280.169.725	12.051.468.997
- Chi phí nhân công	4.876.995.358	3.525.604.726
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4 447.117.788	3.621.810.097
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.079.553.033	319.474.710.164
- Chi phí khác bằng tiền	7.615.441.080	922.045.191
Cộng	**547.299.276.984**	**339.595.639.175**

VII. . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được Công ty Tư vấn kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) thực hiện kiểm toán .

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	**685.198.283**	**17.975.917.137**	**16.067.420.624**	**231.906.899**		**34.960.442.943**
Số tăng trong kỳ	-	6.963.484.405	8.390.353.255	468.479.377	-	15.822.317.037
- Mua trong năm		*6.963.484.405*	*7.882.804.388*	*341.119.898*		15.187.408.691
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng do phân loại lại tài sản			507.548.867	127.359.479		634.908.346
Số giảm trong kỳ	-	18.569.208.851	13.309.020.048	-	-	31.878.228.899
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán		17.934.300.505	*13.309.020.048*			31.243.320.553
- Điều chuyển sang đơn vị khác		634.908.346				634.908.346
- Giảm do phân loại lại tài sản						-
Số dư cuối kỳ	**685.198.283**	**6.370.192.691**	**11.148.753.831**	**700.386.276**	-	**18.904.531.081**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	**871.109.563**	**3.415.996.955**	**4.181.492.171**	**145.825.629**		**8.614.424.318**
Số tăng trong kỳ	28.868.412	2.004.095.505	3.119.966.542	229.355.928	-	5.382.286.387
- Khấu hao trong kỳ	*28.868.412*	*1.679.446.029*	*2.980.196.967*	*135.386.086*		4.823.897.494
- Tăng do phân loại lại tài sản		324.649.476	139.769.575	93.969.842		558.388.893
Số giảm trong kỳ	558.388.893	4.603.150.523	5.177.888.109	-	-	10.339.427.525
- Thanh lý, nhượng bán		4.603.150.523	*5.177.888.109*			9.781.038.632
- Điều chuyển sang đơn vị khác						-
- Giảm do phân loại lại tài sản	558.388.893					558.388.893
Số dư cuối kỳ	**341.589.082**	**816.941.937**	**2.123.570.604**	**375.181.557**	-	**3.657.283.180**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	**(185.911.280)**	**14.559.920.182**	**11.885.928.453**	**86.081.270**	-	**26.346.018.625**
Tại ngày cuối kỳ	**343.609.201**	**5.553.250.754**	**9.025.183.227**	**325.204.719**	-	**15.247.247.901**

PHỤ LỤC 02: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

	Vốn [góp/cổ phần]	Thặng dư vốn	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	25.000.000.000	987.584.932	-	295.577.927	295.577.927	2.216.834.455	
Vốn cấp/vốn góp	31.500.000.000	64.846.921.844	-				
Chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện							
Điều chuyển vốn							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần				6.845.122.540	6.845.122.540	(19.329.640.805)	
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong [kỳ/năm]						68.451.225.397	
Sử dụng các quỹ							
Cổ tức						(3.845.657.200)	
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu							
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	56.500.000.000	65.834.506.776	-	7.140.700.467	7.140.700.467	47.492.761.847	-
Vốn cấp/vốn góp	79.500.000.000	161.964.598.109	-	-	-	-	-
Chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển vốn	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	13.337.732.974	6.459.299.533	(36.557.326.751)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong [kỳ/năm]	-	-	-	-	-	133.377.329.743	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(45.731.856.921)	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	(6.724.000.000)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	136.000.000.000	227.799.104.885	(6.724.000.000)	20.478.433.441	13.600.000.000	98.580.907.918	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo Kiểm toán	6 - 7
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 29
Phụ lục 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	30
Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	31
Phụ lục 03: Bảng xác định lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	32
Phụ lục 04: Bảng xác định các khoản được điều chỉnh tăng giảm giá trị của khoản đầu tư	33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 21 tháng 03 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông./.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 49B Phan Đăng Lưu - Phường 7 - Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết sau:

Tên	Thông tin liên quan	Vốn góp thực tế tại 31/12/2008	Vốn góp của Licogi 16	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2008
Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước	Công ty con	30.805.000.000	30.805.000.000	100 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	15.000.000.000	6.000.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	20.000.000.000	8.000.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	24.850.060.000	12.250.000.000	49,3 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	25.000.000.000	10.000.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	10.000.000.000	800.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	36.000.000.000	17.000.000.000	47,2 %

Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	24.278.500.000	12.000.000.000	49,43 %
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTHT Nghi Sơn	Công ty liên kết	89.250.000.000	42.000.000.000	47,06 %

Vốn điều lệ của Công ty là 136.000.000.000 đồng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông Đon Di Lam	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Lê Văn Nga	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thuận Chí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Công Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Chí Phúc	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
Ông Phạm Xuân Diện	Thành viên
Bà Phạm Thị Minh Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho công ty.

CÁC SỰ KIỆN LỚN PHÁT SINH TRONG NĂM

Năm 2008, Công ty Cổ phần Licogi 16 là chủ đầu tư thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng của khu đất 839.900 m2 tại hai xã Long Tân và Phú Hội thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với mục đích xây dựng nhà chung cư, nhà liên kế, nhà biệt thự, giao thông công cộng và đất thương mại.

Cùng với việc tiến hành giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng của khu đất, Công ty đã ký Hợp đồng Liên doanh với Vinaland Heritage Limited (VOF) và Vinaland Eastern Limited (VHL) để hình thành Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội với chức năng thực hiện nốt các phần việc còn lại của dự án. Hợp đồng này quy định:

- Hình thức góp vốn của Licogi 16 là một phần của giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá thoả thuận. Phần giá trị còn lại của khu đất sẽ được Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội trả lại cho Licogi 16.

- Tiến độ góp vốn và nhận lại giá trị chênh lệch của Licogi 16:

+ Đợt 1: Sau khi Licogi 16 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2.

+ Đợt 2: Sau khi Licogi 16 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 117.568 m2.

Thực tế: Đến hết 31/12/2008, Licogi 16 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích 722.332 m2 theo Quyết định số 4510/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ theo quy định tại tiết 1.1 mục 1 khoản II phần G của Thông tư 130/2008/TT – BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12

Căn cứ theo điểm a mục 1.3 và mục 1.4 thuộc phần IX Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán số 15 "Hợp đồng xây dựng"

Ban Giám đốc Licogi 16 đã ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2008:

- Doanh thu và thu nhập khác 299.217.940.881 đồng tương đương 17.624.901 USD (chiếm 35,1% giá trị có được của khu đất)

- Phân bổ một phần chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng mà Licogi 16 đã bỏ ra tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận là 128.606.743.114 đồng.

- Lợi nhuận từ dự án đã ghi nhận trong kết quả kinh doanh năm 2008 là 170.611.197.767 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp luỹ tiến từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hạch toán và kê khai Quyết toán thuế là 51.260.134.369 đồng.

Lợi nhuận năm 2008 có được do ảnh hưởng đáng kể từ lợi nhuận của dự án trên. Ban Giám đốc Licogi 16 cho rằng đây là sự kiện lớn phát sinh trong năm.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết cung cấp các thông tin trung thực cho các nhà đầu tư và giải trình cụ thể theo yêu cầu của Uỷ ban chứng khoán nhà nước hoặc Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về các vấn đề liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác được nêu tại mục CÁC SỰ KIỆN LỚN PHÁT SINH TRONG NĂM.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 16 phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Dương Hùng

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009.

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Lê Văn Nga

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASNAF VIỆT NAM
ASNAF VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED
Địa chỉ: P.903 - CT 4 Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội
Điện Thoại: (04)7670720 - 7855 361 * Fax: (04)7670721
Email: info@asnafvietnam.com * Web: www.asnafvietnam.com

Số : 78 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty Cổ phần Licogi 16

***Kính gửi*: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LICOGI 16

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 16 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 08 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 16 bị ảnh hưởng bởi "Các sự kiện lớn phát sinh trong năm" thuộc Báo cáo của Ban Giám đốc khi Công ty đã ghi nhận doanh thu, giá vốn theo quy định tại điểm a mục 1.3 và mục 1.4 thuộc phần IX Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán số 15 "Hợp đồng xây dựng" và theo quy định tại tiết 1.1 mục 1 khoản II phần G của Thông tư 130/2008/TT – BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Ngọc Khuê	**Tạ Huy Đăng**
Chứng chỉ KTV số: 0665/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0566/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**787.823.531.263**	**305.507.006.312**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**17.292.165.643**	**94.360.039.373**
1. Tiền	111		16.492.165.643	94.360.039.373
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**503.920.800**	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		503.920.800	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**438.701.322.564**	**142.089.473.771**
1. Phải thu của khách hàng	131		66.888.396.785	42.874.865.962
2. Trả trước cho người bán	132		19.245.545.171	38.399.660.152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	352.756.354.439	61.003.921.488
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(188.973.831)	(188.973.831)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**310.514.630.940**	**63.368.008.736**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	310.514.630.940	63.368.008.736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**20.811.491.316**	**5.689.484.432**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.392.385.584	702.302.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.171.999	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	507.396.101
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.378.933.733	4.479.785.695
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**334.689.970.424**	**110.212.362.240**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			**3.707.054.189**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			3.707.054.189
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**198.577.173.748**	**48.927.616.607**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.05**	15.247.247.901	26.346.018.625
- Nguyên giá	*222*		*18.904.531.081*	*34.960.442.943*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(3.657.283.180)*	*(8.614.424.318)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	**V.06**	4.488.750.500	
- Nguyên giá	*225*		*4.488.750.500*	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*226*			
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.07**	981.444.444	988.111.112
- Nguyên giá	*228*		*992.000.000*	*992.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		*(10.555.556)*	*(3.888.888)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	**V.08**	177.859.730.903	21.593.486.870
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.09**	**117.247.980.141**	**56.976.551.284**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		117.247.980.141	56.976.551.284
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Lợi thế thương mại	**260**		13.680.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**5.184.816.535**	**601.140.160**
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	**V.10**	634.053.037	601.140.160
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278		4.550.763.498	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**1.122.513.501.687**	**415.719.368.552**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**609.297.285.258**	**228.156.545.237**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**490.648.957.106**	**228.066.657.229**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	**V.11**	204.791.000.000	103.910.549.918
2. Phải trả người bán	312		42.443.323.542	19.548.404.799
3. Người mua trả tiền trước	313		6.429.767.373	1.604.269.524
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	**V.12**	68.648.044.472	21.481.480.709
5. Phải trả công nhân viên	315		1.188.644.546	464.624.536
6. Chi phí phải trả	316	**V.13**	125.727.165.301	(2.816.309.523)
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	**V.14**	41.421.011.872	83.873.637.266
II. Nợ dài hạn	**330**		**118.648.328.152**	**89.888.008**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		3.000.000	3.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	**V.15**	118.619.574.716	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		25.753.436	86.888.008
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**513.216.216.429**	**187.562.823.315**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**497.412.426.385**	**184.108.669.557**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		136.000.000.000	56.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		232.479.309.557	65.834.506.776
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(6.724.000.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.478.433.441	7.140.700.467
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.600.000.000	7.140.700.467
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		101.578.683.387	47.492.761.847
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**15.803.790.044**	**3.454.153.758**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		15.803.790.044	3.454.153.758
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.122.513.501.687**	**415.719.368.552**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**00**	**V.17**	**444.593.853.451**
2. Các khoản giảm trừ	02		-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**V.18**	**444.593.853.451**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**V.19**	**318.003.881.001**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**126.589.972.450**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**V.20**	**39.268.798.579**
7. Chi phí tài chính	22	**V.21**	**16.672.163.637**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.613.587.592
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**15.625.751.665**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**133.560.855.727**
11. Thu nhập khác	31		**81.743.180.771**
12. Chi phí khác	32		**32.186.572.386**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**49.556.608.385**
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**50**	**V.22**	**3.576.852.151**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**60**		**186.694.316.263**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**61**	**V.23**	**51.260.134.369**
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**62**		-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**70**		**135.434.181.894**
18.1. Lợi ích cổ đông thiểu số	*71*		-
18.2.Lợi nhuận sau thuế của Công ty	*72*		**135.434.181.894**

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	133.321.733.929
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(418.397.838.509)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.713.172.280)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.460.526.282)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.207.247.023
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.495.047.698)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	***(305.537.603.817)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(158.832.780.711)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(66.586.019.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.302.570.284
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.163.023.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(186.953.206.376)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	241.464.598.109
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	269.751.187.386
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.251.162.588)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.731.856.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	***415.232.765.986***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**(77.258.044.207)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (*)	60	**94.581.762.504**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(31.552.654)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**17.292.165.643**

(*) Chỉ tiêu "Tiền và tương đương tiền đầu kỳ " chênh lệch thừa 221.723.131đồng so với số dư khoản mục Tiền và tương đương tiền đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là do trong năm 2008, Công ty cổ phần Licogi 16 mua lại 95% vốn của Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước. Số dư khoản mục Tiền và tương đương tiền đầu năm 2008 của Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước là 221.723.131 đồng. Do trong năm 2007, Công ty CP Licogi 16 không lập báo cáo hợp nhất do vậy số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2008 được lấy theo báo cáo riêng của Công ty CP Licogi 16, không bao gồm số dư đầu năm của Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại 49B Phan Đăng Lưu – Phường 7 – Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết sau:

Tên	Thông tin liên quan	Vốn góp thực tế tại 31/12/2008	Vốn góp của Licogi 16	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2008
Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước	Công ty con	30.805.000.000	30.805.000.000	100 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	15.000.000.000	6.000.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	20.000.000.000	8.000.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	24.850.060.000	12.250.000.000	49,3 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	25.000.000.000	10.000.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	10.000.000.000	800.000.000	40 %
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	36.000.000.000	17.000.000.000	47,2 %
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	24.278.500.000	12.000.000.000	49,43 %
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTHT Nghi Sơn	Công ty liên kết	89.250.000.000	42.000.000.000	47,06 %

Vốn điều lệ của Công ty là **136.000.000.000 đồng**

Trong đó :

	Vốn góp	Tỷ lệ
Vốn góp của nhà nước	15.840.000.000 đồng	11,65 %
Vốn góp của cổ đông khác	120.160.000.000 đồng	88,35 %

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thi công các công trình xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 21 tháng 03 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng; Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông./.

4. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 16 phản ánh toàn bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo Tài chính của các đơn vị doanh nghiệp được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Tên Doanh nghiệp	Quan hệ	Địa chỉ	Tình trạng báo cáo
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	49B Phan Đăng Lưu, P.7, Q. Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	Đã kiểm toán
Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước	Công ty con	420/9 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	5/13 Nguyễn Công Hoan, P.3, Q. Bình Thạnh, TP HCM	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	A2/2A Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơ Phú, Q.9, TP HCM	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Đường số 2, khu CN Nhơn Trạch 1, Đồng Nai	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Tầng 4 – Tòa nhà 34 – Ngõ 164 Khuất Duy Tiến – Hà Nội	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	L16-K300 Cộng Hòa, P.12, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Đường số 2, khu CN Nhơn Trạch 1, Đồng Nai	Đã kiểm toán
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTHT Nghi Sơn	Công ty liên kết	Hải Thượng – Tĩnh Gia – Tỉnh Thanh Hóa	Đã kiểm toán

Riêng Công ty Cổ phần Licogi 16.9 do được thành lập vào tháng 10/2008, 3 tháng cuối năm 2008 được tính vào niên độ năm 2009 nên không được xác định kết quả kinh doanh năm 2008. Vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Licogi 16.9 không được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Licogi 16.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 16 được lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 16 bao gồm các báo cáo kế toán của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Licogi 16 và các đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực, trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các đơn vị thành viên sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Các nghiệp vụ chủ yếu và các số dư công nợ giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Licogi 16 và Công ty con đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất Báo cáo Tài chính.

2. Cơ sở hạch toán kế toán và nguyên tắc định giá

Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty được soạn thảo dựa trên nguyên tắc kế toán dồn tích và được ghi sổ theo nguyên tắc giá phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-24 năm
- Máy móc, thiết bị	08-15 năm
- Phương tiện vận tải	08-10 năm
- Thiết bị văn phòng	05-08 năm
- TSCD vô hình	14-20 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trừ khi:

(a) Khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc

(b) Công ty liên kết hoạt động theo các quy định hạn chế khắt khe dài hạn làm cản trở đáng kể việc chuyển giao vốn cho nhà đầu tư.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên

nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư có thể bao gồm những khoản phát sinh từ việc đánh giá lại TSCĐ và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và những điều chỉnh các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa trong năm là 71,87%.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quĩ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán hoàn thành công trình.

Doanh thu chuyển nhượng dự án Long Tân 83ha

Doanh thu chuyển nhượng dự án Long Tân 83ha được ghi nhận dựa theo điểm (a) mục 1.3 và mục 1.4 thuộc phần IX Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán số 15 "Hợp đồng xây dựng". Theo đó:

(a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đó hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đó lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Phần công việc đó hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau. Doanh nghiệp cần sử dụng phương pháp tính toán thích hợp để xác định phần công việc đó hoàn thành. Tuỳ thuộc vào bản chất của hợp đồng, các phương pháp đó có thể là:

- Tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đó phát sinh của phần cụng việc đó hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng;
- Đánh giá phần công việc đó hoàn thành; hoặc
- Tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đó hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Năm 2008 là năm thứ hai Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần nên được miễn thuế TNDN.

Trong năm 2008, Công ty Cổ phần Licogi 16 được giảm 30% thuế TNDN trong quý IV theo hướng dẫn tại thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, chúng tôi chưa xác định giá trị thuế được miễn giảm, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	723.219.650	3.208.228.522
Tiền gửi ngân hàng	15.768.945.993	91.151.810.851
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	800.000.000	-
Cộng	**17.292.165.643**	**94.360.039.373**

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	503.920.800	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	**503.920.800**	**-**

Số dư đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá trị của 27.387 cổ phiếu STB được trả cổ tức theo giá đóng cửa tại 31/12/2008

3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động		
Phải thu khác	352.756.354.439	61.003.921.488
Chuyển nhượng dự án Long Tân 83 ha	*310.607.940.881*	
Phải thu khác	*42.148.413.558*	*61.003.921.488*
Cộng	**352.756.354.439**	**61.003.921.488**

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	10.275.166.352	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	298.454.456.278	59.750.995.939
Thành phẩm	-	3.617.012.797
Hàng hóa bất động sản	1.785.008.310	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	**310.514.630.940**	**63.368.008.736**

5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem phụ lục số 01

6 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ					-
Số tăng trong kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
- Thuê tài chính trong năm		4.488.750.500			*4.488.750.500*
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ					
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ			-		-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-		-
Tại ngày cuối kỳ	-	4.488.750.500	-		4.488.750.500

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	**Cộng**
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	**972.000.000**		**20.000.000**		**992.000.000**
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong năm					-
Số giảm trong kỳ				-	-
Số dư cuối kỳ	**972.000.000**	-	**20.000.000**	-	**992.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ			**3.888.888**		**3.888.888**
Số tăng trong kỳ	-	-	6.666.668	-	6.666.668
- Khấu hao trong kỳ			*6.666.668*		*6.666.668*
Giảm trong kỳ				-	
Số cuối kỳ	-	-	**10.555.556**	-	**10.555.556**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	**972.000.000**	-	**16.111.112**	-	**988.111.112**
Tại ngày cuối kỳ	**972.000.000**	-	**9.444.444**	-	**981.444.444**

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	177.859.730.903	21.593.486.870
Nhà 24A Phan Đăng Lưu	*30.797.833.147*	*21.275.912.452*
Trường C Đ nghề KHUD Licogi	*5.244.067.474*	
DA Khu đô thị mới Quận Cầu Giấy - Hà Nội	*13.033.000*	
Hệ thống Bê tông đầm lăn	*141.655.307.282*	
Tài sản khác chưa quyết toán	*149.490.000*	*317.574.418*
Cộng	**177.859.730.903**	**21.593.486.870**

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	117.247.980.141	56.976.551.284
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		
Cộng	**117.247.980.141**	**56.976.551.284**

(*) Xem chi tiết tại phụ lục số 04 đính kèm

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	634.053.037	601.140.160
Cộng	**634.053.037**	**601.140.160**

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn	203.724.000.000	103.910.549.918
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn - Hà Nội (SHB)		*3.873.390.000*
- Công ty cổ phần tài chính dầu khí - CN TP Hồ Chí Minh		*35.581.159.918*
- Quỹ ONSHINE INVESTMENTS	*203.724.000.000*	*64.456.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.067.000.000	-
Cộng	**204.791.000.000**	**103.910.549.918**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị giá tăng	16.202.012.349	20.660.582.647
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.939.723.800	679.589.431
Thuế thu nhập cá nhân	501.808.323	136.808.631
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Các loại thuế khác	4.500.000	4.500.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	**68.648.044.472**	**21.481.480.709**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	153.061.310	
Chi phí dự án Long Tân	123.893.958.136	136.363.636
Chi phí thầu phụ	773.925.608	4.470.424.147
Thù lao HĐQT năm 2008	822.000.000	
Chi phí phải trả khác	84.220.247	
Doanh thu các công trình tạm trích chưa xuất hóa đơn		(7.423.097.306)
Cộng	**125.727.165.301**	**(2.816.309.523)**

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	173.899.991	228.822.289
Bảo hiểm xã hội	18.903.078	3.300.398
Bảo hiểm y tế	-	3.217.681
Doanh thu chưa thực hiện	-	252.121.213
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.228.208.803	83.386.175.685
Cộng	**41.421.011.872**	**83.873.637.266**

15 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	**115.593.373.416**	-
Vay ngân hàng	115.593.373.416	-
Vay ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	*45.960.883.416*	
Vay ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	*69.632.490.000*	
Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	**3.026.201.300**	-
Thuê tài chính	3.026.201.300	-
Cộng	**118.619.574.716**	-

Các khoản vay dài hạn chưa có các phụ lục hợp đồng đính kèm quy định lịch trả nợ gốc và lãi vay do vậy không kết chuyển nợ phải trả trong năm 2009

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục số 02

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	15.840.000.000	7.920.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	120.160.000.000	48.580.000.000
Cộng	**136.000.000.000**	**56.500.000.000**

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	25.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	79.500.000.000	31.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	136.000.000.000	56.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.731.856.921	4.069.401.700

16.4. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	5.650.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và đã góp đủ	13.600.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa góp đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.383.500	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.383.500	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	135.434.181.894
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	

+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.694.849
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.581

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND
Doanh thu bán hàng	5.770.671.360
Doanh thu từ hoạt động đầu tư các khu đô thị	283.361.068.388
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	155.462.113.703
Cộng	**444.593.853.451**

18 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	5.770.671.360
Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư các khu đô thị	283.361.068.388
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	155.462.113.703
Cộng	**444.593.853.451**

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.614.175.998
Giá vốn của hoạt động đầu tư các khu đô thị	155.440.047.688
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	156.949.657.315
Cộng	**318.003.881.001**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.174.665.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.835.667.116
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	744.903.873
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.479.206
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.464.082.944
Cộng	**39.268.798.579**

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND
Lãi tiền vay	1.613.587.592
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.451.261.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.217.314.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.390.000.000
Chi phí tài chính khác	-
Cộng	**16.672.163.637**

22 . LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Năm nay VND
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết trong kỳ	10.691.852.151
Phân bổ giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ TSCĐ	-
Phân bổ lợi thế thương mại	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.115.000.000)
Cộng các khoản điều chỉnh	**3.576.852.151**

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	51.260.134.369
Cộng	**51.260.134.369**

Năm 2008 là năm thứ hai Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần nên được miễn thuế TNDN. Tại 31/12/2008, thuế TNDN được miễn năm 2007 với tổng giá trị là 19.127.497.361 đồng vẫn được tạm theo dõi trên Mục Lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán. Thuế TNDN phải nộp là thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất trong năm 2008

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.280.169.725
- Chi phí nhân công	4.876.995.358
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.447.117.788
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.079.553.033
- Chi phí khác bằng tiền	7.615.441.080
Cộng	**547.299.276.984**

VII. . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

-Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Quyền biểu quyết**
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	40,00%
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	40,00%
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	49,30%
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	40,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	40,00%
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	47,20%
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	49,43%
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTHT Nghi Sơn	Công ty liên kết	45,00%
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng - Licogi	Đại diện cổ đông nhà nước	

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng - Licogi	Đại diện cổ đông nhà nước	Doanh thu các công trình	25.913.742.630
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	18.243.113.801
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	52.446.534.631
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	10.812.120.079
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	23.040.744.792
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Tiền cước vận chuyển	72.286.903
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết	Chi phí tư vấn thiết kế	3.961.819.743
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	4.515.690.177
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Tiền thuê đất	154.705.133
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Cung cấp vật tư	10.877.039.049
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Cung cấp vật tư, tiền lán trại	1.940.295.927
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Cung cấp vật tư	194.150.539
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Cung cấp vật tư	310.705.262
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Cổ tức năm 2007 và năm 2008	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Cổ tức năm 2007 và năm 2008	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Cổ tức năm2006, năm 2007 và năm 2008	3.662.012.116
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Cổ tức năm 2007 và năm 2008	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Cổ tức năm 2007 và năm 2008	2.140.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết	Cổ tức năm 2007 và năm 2008	120.000.000
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng - Licogi	Đại diện cổ đông nhà nước	Trả cổ tức 2007 và 2008	4.039.200.000
			143.290.418.152

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu (+) /phải trả (-)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Phải trả nhà cung cấp	(664.394.064)
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Phải trả nhà cung cấp	(9.747.843.274)
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Phải trả nhà cung cấp	(2.218.956.123)
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết	Ứng trước cho nhà cung cấp	270.000.785
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Ứng trước cho nhà cung cấp	8.599.190.204
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	6.314.838.769
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng - Licogi	Đại diện cổ đông nhà nước	Phải thu khách hàng	19.705.415.701
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Phải thu khác	2.316.847.023
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Phải thu khác	9.979.131.879
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Phải thu khác	4.800.000.000

Số liệu đầu năm

Công ty Cổ phần Licogi 16 mua lại 95% vốn của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước (Công ty con duy nhất) vào năm 2008. Năm 2007, Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất do vậy không có số liệu để so sánh. Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Licogi 16 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được kiểm toán bởi Công ty Tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA).

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy	Hoàng Chí Phúc	Lê Văn Nga

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	**685.198.283**	**17.975.917.137**	**16.067.420.624**	**231.906.899**		**34.960.442.943**
Số tăng trong kỳ	-	6.963.484.405	8.390.353.255	468.479.377	-	15.822.317.037
- Mua trong năm		*6.963.484.405*	*7.882.804.388*	*341.119.898*		15.187.408.691
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng do phân loại lại tài sản			507.548.867	127.359.479		634.908.346
Số giảm trong kỳ	-	18.569.208.851	13.309.020.048	-	-	31.878.228.899
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán		17.934.300.505	*13.309.020.048*			31.243.320.553
- Điều chuyển sang đơn vị khác		634.908.346				634.908.346
- Giảm do phân loại lại tài sản						-
Số dư cuối kỳ	**685.198.283**	**6.370.192.691**	**11.148.753.831**	**700.386.276**	-	**18.904.531.081**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	**871.109.563**	**3.415.996.955**	**4.181.492.171**	**145.825.629**		**8.614.424.318**
Số tăng trong kỳ	28.868.412	2.004.095.505	3.119.966.542	229.355.928	-	5.382.286.387
- Khấu hao trong kỳ	*28.868.412*	*1.679.446.029*	*2.980.196.967*	*135.386.086*		4.823.897.494
- Tăng do phân loại lại tài sản		324.649.476	139.769.575	93.969.842		558.388.893
Số giảm trong kỳ	558.388.893	4.603.150.523	5.177.888.109	-	-	10.339.427.525
- Thanh lý, nhượng bán		4.603.150.523	*5.177.888.109*			9.781.038.632
- Điều chuyển sang đơn vị khác						-
- Giảm do phân loại lại tài sản	558.388.893					558.388.893
Số dư cuối kỳ	**341.589.082**	**816.941.937**	**2.123.570.604**	**375.181.557**	-	**3.657.283.180**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	**(185.911.280)**	**14.559.920.182**	**11.885.928.453**	**86.081.270**	-	**26.346.018.625**
Tại ngày cuối kỳ	**343.609.201**	**5.553.250.754**	**9.025.183.227**	**325.204.719**	-	**15.247.247.901**

PHỤ LỤC 02: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

	Vốn [góp/cổ phần]	Thặng dư vốn	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	56.500.000.000	65.834.506.776	-	7.140.700.467	7.140.700.467	47.492.761.847	-
Vốn cấp/vốn góp	79.500.000.000	161.964.598.109	-	-	-	-	-
Chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển vốn	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	13.337.732.974	6.459.299.533	(36.557.326.751)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong [kỳ/năm]	-	-	-	-	-	135.434.181.894	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(45.731.856.921)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(6.724.000.000)	-	-	-	-
Ảnh hưởng của việc hợp nhất các công ty liên kết năm 2006 và 2007	-	4.680.204.672	-	-	-	940.923.317	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	136.000.000.000	232.479.309.557	(6.724.000.000)	20.478.433.441	13.600.000.000	101.578.683.387	-

PHỤ LỤC 03: BẢNG XÁC ĐỊNH LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Công ty	Lợi nhuận sau thuế		Tỷ lệ sở hữu thực tế		Phần lợi nhuận theo tỷ lệ sở hữu		Cổ tức được chia đã nhận		Lợi nhuận trong công ty liên kết	
		Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008
1	Công ty CP Licogi 16.1	2.632.967.006	4.618.611.824	43%	42%	1.137.968.340	1.950.962.817	900.000.000	900.000.000	237.968.340	1.050.962.817
2	Công ty CP Licogi 16.2	3.078.780.816	4.751.654.697	40%	40%	1.231.512.326	1.900.661.879	960.000.000	1.200.000.000	271.512.326	700.661.879
3	Công ty CP Licogi 16.5	4.671.771.373	4.007.432.875	49%	49%	2.294.306.921	1.975.490.309	1.767.812.812	1.715.000.000	526.494.109	260.490.309
4	Công ty CP Licogi 16.6	2.048.304.762	4.461.066.229	41%	43%	838.780.800	1.903.384.197	640.000.000	1.500.000.000	198.780.800	403.384.197
5	Công ty CP Licogi 16.8		829.342.942		40%	-	331.737.177		120.000.000	-	211.737.177
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi (*)	2.530.182.468	5.347.204.220	57%	49%	1.447.517.390	2.642.933.074	1.120.000.000	1.680.000.000	327.517.390	962.933.074
7	Công ty CP ĐT & PTHT Nghi Sơn (*)	28.299.266	(28.299.266)	76%	47%	21.416.885	(13.317.302)			21.416.885	(13.317.302)
	Cộng					**6.971.502.662**	**10.691.852.151**	**5.387.812.812**	**7.115.000.000**	**1.583.689.850**	**3.576.852.151**

(*) Do đến thời điểm 31/12/2007, các cổ đông khác chưa góp đủ số vốn nên tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Licogi 16 tại các công ty này cao hơn 51%.

PHỤ LỤC 04: BẢNG XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM GIÁ TRỊ GHI SỔ CỦA KHOẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Công ty	Giá gốc khoản đầu tư	Khoản điều chỉnh tương ứng lợi nhuận trong công ty liên kết			Khoản điều chỉnh vốn chủ sở hữu không phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh của các công ty liên kết			Khoản điều chỉnh do tăng thặng dư vốn cổ phần trong năm 2007	Cộng các khoản điều chỉnh	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2008 theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008			
1	Công ty CP Licogi 16.1	6.000.000.000		237.968.340	1.050.962.817		(56.898.417)	(103.693.665)	797.625.100	1.925.964.175	7.925.964.175
2	Công ty CP Licogi 16.2	8.000.000.000		271.512.326	700.661.879		(61.575.616)	(95.033.094)	896.000.000	1.711.565.495	9.711.565.495
3	Công ty CP Licogi 16.5	12.250.000.000	74.721.530	526.494.109	260.490.309	30.683.253	(121.835.959)		749.919.522	1.520.472.764	13.770.472.764
4	Công ty CP Licogi 16.6	10.000.000.000		198.780.800	403.384.197		(41.939.040)		1.305.281.250	1.865.507.207	11.865.507.207
5	Công ty CP Licogi 16.8	800.000.000		-	211.737.177					211.737.177	1.011.737.177
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi (*)	12.000.000.000		327.517.390	962.933.074		(54.812.399)	(212.383.125)	931.378.800	1.954.633.739	13.954.633.739
7	Công ty CP ĐT & PTHT Nghi Sơn (*)	42.000.000.000		21.416.885	(13.317.302)					8.099.583	42.008.099.583
8	Công ty CP Licogi 16.9	17.000.000.000								-	17.000.000.000
	Cộng	**108.050.000.000**	**74.721.530**	**1.583.689.850**	**3.576.852.151**	**30.683.253**	**(337.061.431)**	**(411.109.884)**	**4.680.204.672**	**9.197.980.141**	**117.247.980.141**

(a) Khoản điều chỉnh tăng thặng dư vốn cổ phần trong năm 2007 được xác định bằng thặng dư vốn cổ phần phát sinh trong năm 2007 nhân với tỷ lệ sở hữu thực tế của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại các đơn vị thành viên ở thời điểm 31/12/2007.

(b) Khoản điều chỉnh vốn chủ sở hữu khong phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty liên kết là các khoản tăng giảm trực tiếp vào mục vốn chủ sở hữu như trích quỹ khen thưởng, lợi nhuận chưa phân phối từ trước 2006 tương ứng với tỷ lệ sở hữu thực tế của Công ty cổ phần Licogi 16.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐIỀN PHƯỚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước là Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4102022453 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 11 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102022453 ngày 13 tháng 11 năm 2008 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng dân dụng công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, công trình công cộng, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Trang trí nội ngoại thất.
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán nhà.
- Thi công cơ giới.
- Môi giới bất động sản.
- Dịch vụ chuyển quyề sử dụng đất.
- Tư vấn đầu tư./.

Trụ sở chính của Công ty tại số 49B Phan Đăng Lưu - Phường 7 - Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn./.)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước hiện tại chỉ thực hiện đầu tư dự án khu dân cư Điền Phước tại Nhơn Trạch, Đồng Nai đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa. Trong năm 2007 và 2008, Công ty chưa có doanh thu từ hoạt động đầu tư dự án này do vậy chưa có kết quả hoạt động kinh doanh. Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi giảm giá trị đầu tư của dự án.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm2009.

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

Hoàng Minh Khai

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASNAF VIỆT NAM
ASNAF VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED
Địa chỉ: P.903 - CT 4 Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội
Điện Thoại: (04)7670720 - 7855 361 * Fax: (04)7670721
Email: info@asnafvietnam.com * Web: www.asnafvietnam.com

Số : 77 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2008 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước

***Kính gửi*: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỀN PHƯỚC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 13 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Ngọc Khuê	**Tạ Huy Đăng**
Chứng chỉ KTV số: 0665/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0566/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**30.858.440.000**	**224.012.338**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**1.080.418.909**	**221.723.131**
1. Tiền	111		280.418.909	221.723.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
III. Các khoản phải thu	**130**		**2.311.220.000**	
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		2.311.220.000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**27.423.129.092**	
1. Hàng tồn kho	141	V.02	27.423.129.092	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**43.671.999**	**2.289.207**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.171.999	2.289.207
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.500.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**			**275.987.662**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**			**275.987.662**
I. Tài sản cố định hữu hình	221			
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.03		275.987.662
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**30.858.440.000**	**500.000.000**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**53.440.000**	**500.000.000**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**53.440.000**	**500.000.000**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314			
5. Phải trả công nhân viên	315		49.500.000	
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.04	3.940.000	500.000.000
II. Nợ dài hạn	**330**			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**30.805.000.000**	
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.05**	**30.805.000.000**	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.805.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420			-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**30.858.440.000**	**500.000.000**

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Minh Khai

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00			
2. Các khoản giảm trừ	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		-	-

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Minh Khai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(436.994.717)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(147.500.000)	(180.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(504.500.000)	(2.813.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	*(1.088.994.717)*	*(182.813.313)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	152.690.495	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*152.690.495*	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.795.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	*1.795.000.000*	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	*858.695.778*	(182.813.313)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**221.723.131**	**404.536.444**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**1.080.418.909**	**221.723.131**

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thuy	Nguyễn Thị Thúy	Hoàng Minh Khai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước là Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4102022453 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 11 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 49B Phan Đăng Lưu - Phường 7 - Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là : **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn./.)

Trong đó :

Thành viên góp vốn	Vốn góp	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Licogi 16	142.500.000.000 đồng	95 %
Cổ đông khác	7.500.000.000 đồng	5 %

Tại thời điểm 31/12/2008, vốn góp của Công ty là **30.805.000.000 đồng** trong đó:

Thành viên góp vốn	Vốn góp	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Licogi 16	30.805.000.000 đồng	100 %
Cổ đông khác	0 đồng	

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây dựng và đầu tư hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102022453 ngày 13 tháng 11 năm 2008 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng dân dụng công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, công trình công cộng, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Trang trí nội ngoại thất.
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán nhà.
- Thi công cơ giới.
- Môi giới bất động sản.
- Dịch vụ chuyển quyề sử dụng đất.
- Tư vấn đầu tư./.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	-	221.723.131
Tiền gửi ngân hàng	280.418.909	-
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	800.000.000	-
Cộng	**280.418.909**	**221.723.131**

(*) Khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

2 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	27.423.129.092	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	**27.423.129.092**	-

(*) Là toàn bộ chi phí đầu tư của dự án khu dân cư Điền Phước

3 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	275.987.662
Dự án khu dân cư Điền Phước (*)		*275.987.662*
Cộng	-	**275.987.662**

(*) Trong năm 2008, Công ty đã chuyển sang theo dõi toàn bộ chi phí của dự án trên TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

4 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	3.940.000	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	500.000.000
Cộng	**3.940.000**	**500.000.000**

5 VỐN CHỦ SỞ HỮU

5.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

	Vốn góp	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước					-
Tăng vốn năm trước		-	-	-	-
Tăng khác		-	-	-	-
Giảm vốn năm trước		-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	30.805.000.000	-	-	-	30.805.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**30.805.000.000**	-	-	-	**30.805.000.000**

5.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Công ty cổ phần Licogi 16	30.805.000.000	-
Vốn góp của Cổ đông khác		-
Cộng	**30.805.000.000**	-

5.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	30.805.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	30.805.000.000	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điền Phước hiện tại chỉ thực hiện đầu tư dự án khu dân cư Điền Phước tại Nhơn Trạch, Đồng Nai đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa. Trong năm 2007 và 2008, Công ty chưa có doanh thu từ hoạt động đầu tư dự án này do vậy chưa có kết quả hoạt động kinh doanh. Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi giảm giá trị đầu tư của dự án.

VII. . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu đầu kỳ

Số liệu đầu năm là số liệu được lấy theo báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty chưa được kiểm toán.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Thị Thủy	Hoàng Minh Khai